

TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC KHÓA X (2009 – 2011)

1. **Tài: Quan hệ Lào – Trung sau Chiến tranh Lạnh**

Học viên: Latdavanh

Kết cấu của luận văn, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1:

Nội dung của phần này chủ yếu khái quát quan hệ Lào – Trung Quốc thời kỳ chiến tranh lạnh, bối cảnh quốc tế và khu vực đã làm nên những quan hệ Lào – Trung, và những nhân tố bên trong và bên ngoài của Lào và Trung Quốc đã làm cho quan hệ Lào – Trung Quốc có sự thay đổi.

Chương 2:

Chương này là phần chính của luận văn. Trong đó chủ yếu tập trung vào mặt sự tiến bộ của quan hệ hợp tác và mặt chính trị an ninh và mặt kinh tế thương mại giữa Lào và Trung Quốc và đánh giá những quan hệ của hai nước. Có thể nói Sau thời kỳ chiến tranh lạnh, mối quan hệ Lào – Trung đã có những bước tiến đáng kể trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác và kinh tế - thương mại. Mối quan hệ hợp tác, thân thiện, lâu dài giữa hai nước dựa trên tình hữu nghị truyền thống và trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền, vì lợi ích của nhân dân hai nước.

Chương 3:

Phần này nhằm đánh giá lại những vấn đề nổi bật của quan hệ Lào – Trung Quốc và quá trình triển khai trong thời gian qua, và đưa ra những xu hướng hợp tác của quan hệ Lào – Trung trong bối cảnh khu vực và quốc tế. Và từ đó đưa ra những đề xuất báo cáo những hợp tác của hai nước trong thời gian tới. Những vấn đề nổi bật trong các lĩnh vực chính trị, an ninh và kinh tế trong quan hệ hợp tác giữa hai nước đều là những mặt thuận lợi của cả hai phía Lào và Trung Quốc.

2. Tài liệu: Quan hệ kinh tế của Lào với các nước ASEAN từ 1997 – 2010

Học viên: Somleuthai

Với tư cách là một quốc gia thành viên của ASEAN, Lào lần lượt tham gia vào các chương trình hợp tác trên tất cả các lĩnh vực trong Hiệp hội, đồng thời tích cực tham gia các chương trình hợp tác kinh tế song phương cũng như đa phương.

Tuy nhiên, quan hệ kinh tế Lào - ASEAN có phần chững lại và chậm chạp. Tổng trọng lượng quan hệ thương mại, kể cả FDI không ngừng gia tăng. Các lĩnh vực quan hệ kinh tế của Lào với ASEAN tuy đã phát triển đáng kể, song cũng chưa thể toàn diện. Một số lĩnh vực chủ yếu phát triển như lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bưu chính viễn thông, hàng không, khoa học công nghệ ... Ngoài ra, việc gia nhập AFTA làm giảm nguồn thu nhập từ thuế cho ngân sách của Lào; nhà đầu tư trong nước của Lào cũng gặp khó khăn khi tiếp cận thị trường các nước ASEAN bởi ảnh hưởng của các doanh nghiệp địa phương và nền sản xuất sơ khai kém khi có sự cạnh tranh.

Những hạn chế nói trên do các nguyên nhân chủ yếu như sau: Nền kinh tế Lào có quy mô nhỏ, trình độ phát triển thấp vẫn còn đang trong giai đoạn chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường nên các cơ chế của nền kinh tế thị trường còn sơ khai và thiếu hiệu quả. Môi trường đầu tư, kinh doanh của Lào chưa thông thoáng, còn thiếu tính cạnh tranh; nền kinh tế cạnh tranh của nền kinh tế và các doanh nghiệp còn thấp, nên khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài của các doanh nghiệp Lào cũng hạn chế. Nguồn lực quản lý Nhà nước chưa đáp ứng tốt các đòi hỏi của phát triển. Nguồn nhân lực có biệt là lực lượng lao động ít ỏi, chất lượng lao động còn hạn chế.

3. Tài liệu: Quan hệ hợp tác kinh tế Lào – Việt Nam giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010

Học viên: *Thatsanaphone Koulavongsa*

Quan hệ cộng bi t Lào – Việt Nam c hình thành trên c s c a m i quan h láng gi ng h u ngh truy n th ng, tr i qua quá trình u tranh lâu dài, gian kh trong nhi u th p k ch ng k thù chung, giành c l p t do cho dân t c ã phát tri n và c nâng lên thành quan h c bi t.

Ch ng 1: C s và nh ng nhân t tác ng ch y u n quan h kinh t Lào – Việt Nam giai o n t n m 2000 n n m 2010. Ch ng này nêu lên nh ng nhân t có vai trò quan tr ng tác ng n quan h kinh t Lào Việt Nam trong giai o n g n ây, trong ó có a ra tình hình và m c tiêu c a quan h kinh t Lào – Việt cho giai o n hi n nay.

Ch ng 2: Th c tr ng quan h kinh t Lào – Việt Nam giai o n t n m 2000 n 2010. Ch ng này trình bày v th c tr ng và nh ng chuy n bi n trong các l nh v c tr ng tâm c a quan h kinh t Lào Việt giai o n t 2000 – 2010 trong ó ánh giá cao vai trò c a Chính ph hai n c trong vi c xây d ng và phát tri n ngày càng l n m nh m i quan h m t thi t gi a hai n c.

Ch ng 3: Thu n l i, khó kh n và các gi i pháp ch y u nh m thúc y h p tác kinh t Lào – Việt Nam trong th i gian t i. Ch ng này a ra nh ng thu t l i và khó kh n trong vi c phát tri n quan h h p tác v kinh t gi a hai n c, ng th i t ó, t p trung a ra nh ng gi i, khuy n ngh nh m thúc y m i quan h song ph ng trong th i gian t i.

4. Tài liệu: Quan hệ hợp tác Lào – Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục từ năm 1975 đến năm 2010.

Học viên: Xayasane Bousavang

Chương 1: giới thiệu một cách khái quát nhất các khái niệm, ý nghĩa của các khái niệm có liên quan nêu lên vấn đề. Đây tuy không phải là phần chính của luận văn nhưng có vai trò quan trọng, là tiền đề tìm hiểu vấn đề chính. Ngoài ra, chương 1 còn có những phần trình bày những hiểu biết nền tảng cho việc hợp tác giáo dục văn hóa – giáo dục giữa hai nước như: điều kiện tự nhiên, địa lý, dân cư, kinh tế xã hội...

Chương 2: Những nét “khái quát quá trình hợp tác trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục Việt Nam – Lào từ năm 1975” sẽ cho người học hiểu được hợp tác này là sự phát huy truyền thống của chúng ta không phải là một lĩnh vực mới. Phần này cho người học hiểu được những tình hình hợp tác giữa hai nước từ năm 1975.

“Hợp tác văn hóa – giáo dục Việt Nam – Lào giai đoạn từ năm 1975 – 1977” là phần tiếp theo của luận văn trong phần này người học sẽ hiểu được phần nào sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai nước trong giai đoạn những ngày đầu sau khi hai nước giành được độc lập thống nhất nước nhà.

“Giai đoạn từ năm 1977 – 1986”, là thời kỳ hai nước trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn, hai nước phải khắc phục hậu quả chiến tranh để ổn định và xây dựng nền kinh tế.

Giai đoạn từ 1986 – 2010: trong phần này luận văn sẽ trình bày quá trình, thành tựu và hạn chế của quá trình hợp tác văn hóa – giáo dục giữa hai nước. Đây cũng là phần quan trọng nhất của bài luận văn.

Chương 3: Triển vọng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục Lào – Việt trong tương lai và một số kiến nghị.

5. Tài liệu: Quan hệ Campuchia – Asian t n m 1999 n nay

H c viên: Sok Dareth

Ch ng 1: Nh ng nhân t tác ng t i quan h Campuchia – ASEAN t n m 1999 n nay

1. Tình hình Campuchia sau Chi n tranh l nh
2. Mong mu n c a Campuchia trong vi c gia nh p ASEAN

Ch ng 2: Th c tr ng quan h Campuchia – ASEAN t n m 1999 n nay

1. Campuchia chính th c gia nh p ASEAN
2. Chính sách c a Chính ph Hoàng gia Campuchia i v i khu v c
3. Th c tr ng quan h Campuchia – ASEAN t n m 1999 n nay
4. V m t thành công trong quan h Campuchia – ASEAN
5. V m t h n ch trong quan h Campuchia – ASEAN

Ch ng 3:

1. D báo tình hình th gi i, khu v c và v t ng l i c a ASEAN
 - V th gi i và khu v c
 - V t ng lai ASEAN
2. M t s khuy n ngh và gi i pháp nh m thúc y s tham gia c a Campuchia vào ti n trình h p tác, liên k t ASEAN
 - V tham gia h p tác chính tr - an ninh ASEAN
 - V tham gia h p tác, liên k t kinh t
 - V h p tác trên l nh v c khác

6. Tài: ASEAN trong v n Bi n ông

H c viên: Ph m Thanh B ng

M t trong nh ng v n th ng c a ra bàn th o t i các di n àn, h i ngh c a ASEAN, ngày càng c quan tâm nh m tìm bi n pháp gi i quy t và b c u có nh ng thành công nh t nh là v n Bi n ông. V n này ti p t c tr nên ph c t p h n, nh t là th i gian g n ây do nhi u nguyên nhân, trong ó có vi c Trung Qu c t ng c ng các ho t ng tu n tra, t p tr n; t ng chi tiêu ngân sách cho qu c phòng nh m trang b v khí hi n i và y m nh các ho t ng gây h n, n ph ng c m ánh b t cá; tìm cách kh ng nh ch quy n...làm tình hình t i ây di n bi th t s c ph c t p, khó l ng.

Vi t Nam chính th c gia nh p ASEAN t n m 1995 và ngày càng kh ng nh c vai trò c a mình trong t ch c này, nh t là vi c Vi t Nam hoàn thành xu t s c nhi m v trên c ng v Ch t ch ASEAN n m 2010, trong ó có vi c l ng ghép và x lý khôn khéo v n Bi n ông t i H i ngh c p cao ASEAN l n th 17, Di n àn Khu v c ASEAN l n th 17 (ARF 17) và H i ngh C p cao ông Á l n th 5 (EAS 5).

Trong khuôn kh lu n v n th c s , tác gi t p trung:

Th nh t: a ra cái nhìn t ng th v v n Bi n ông và th c tr ng tình hình Bi n ông th i gian g n ây, trong ó phân tích sâu v l i ích c a các bên liên quan c ng nh nh ng chính sách c a các n c liên quan i v i Bi n ông th i gian qua.

Th hai: ánh giá khái quát v nh ng c ch c a ASEAN, ng th i phân tích th c tr ng vi c ASEAN v n d ng các c ch ho t ng c a mình trong v n Bi n ông th i gian qua và đ báo th i gian t i.

Th ba: Trên c s phân tích v l i ích, l p tr ng và chính sách c a Vi t Nam i v i v n Bi n ông, tác gi c ng m nh đ n a ra m t s ki n ngh , gi i pháp i v i Vi t Nam nh m tranh th ASEAN trong v n Bi n ông th i gian t i.

7. Tài liệu: Chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar 1988 - 2010 và những tác động

Học viên: Nguyễn Văn Hải

Tính cấp thiết của tài

Tìm hiểu và nghiên cứu về Trung Quốc, có rất nhiều học giả nổi tiếng trong nước và quốc tế nghiên cứu trên nhiều cấp độ và lĩnh vực về Trung Quốc. Tuy nhiên, nếu trên cấp độ song phương thì chủ yếu là quan hệ Trung - Xô, Trung - Mỹ, Trung - Nhật... chưa hề có rất ít những tài liệu sâu sắc nghiên cứu về mối quan hệ và chính sách của Trung Quốc đối với Myanmar.

Tính thực tiễn

Tính thực tiễn Trung Quốc và Myanmar là những láng giềng của Việt Nam, Myanmar là thành viên của ASEAN nên việc nghiên cứu chi tiết mối quan hệ giữa Trung Quốc và Myanmar ít nhiều giúp Việt Nam và ASEAN có những hướng đi phù hợp trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và giữa các quốc gia thành viên với nhau. Việc nắm và hiểu rõ láng giềng của mình có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoạch định và triển khai chính sách ngoại giao.

Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở các câu hỏi thực tiễn nêu trên bóc tách và làm sáng tỏ các vấn đề tài liệu như sau:

1. Myanmar là đối tượng nổi bật trong tính toán chiến lược và vị trí triển khai chính sách của Trung Quốc đối với khu vực này, tác động tới kết quả vận hành và thách thức của mối quan hệ Myanmar-Trung Quốc.

2. Myanmar: Bàn về tranh chấp chiến lược và thách thức trong quan hệ Trung - Myanmar; Những tác động chính sách của Trung Quốc triển khai với Myanmar gây ra những tác động cho các bên liên quan.

8. Tài: nh h ng c a c ng ng ng i Vi t t i Lào t i quan h Lào – Vi t

H c viên: Somaly

Ch ng 1: Quá trình hình thành và phát tri n c ng ng ng i Vi t t i Lào.

Khái quát quá trình hình thành và phát tri n c a c ng ng ng i Vi t t i Lào t nh ng bu i s khai nh t cho t i hi n nay v i các s li u c th v i s ng, quá trình làm n buôn bán c ng nh v th c a c ng ng này so v i các c ng ng ngo i ki u khác c ng nh v i cu c s ng c a chính ng i dân b n a t i Lào.

Ch ng 2: Vai trò c a c ng ng ng i Vi t trong vi c thúc y quan h Vi t – Lào.

Là ph n quan tr ng nh t c a lu n v n, trong n i dung này, ng i vi t s làm rõ các chính sách c a chính ph hai bên i v i s phát tri n c a c ng ng ng i Vi t t i Lào t ó i sâu vào phân tích vai trò c a c ng ng ng i Vi t t i Lào trong su t quãng th i gian t hai cu c kháng chi n ch ng Pháp và ch ng M cho t i hi n nay trên t t c các m t. N u nh trong hai cu c kháng chi n, ó là óng góp ch y u n t s hy sinh anh d ng c a c ng ng ng i Vi t trong công cu c b o v Lào thì n th i hòa bình, óng góp này n m nh ng n l c, ph n u c a c ng ng ng i Vi t t i Lào v kinh t , v n hóa, xã h i cho c hai qu c gia Lào - Vi t Nam, t ó, th t ch t tình h u ngh c bi t gi a hai qu c gia.

Ch ng 3: Tri n v ng phát tri n c a c ng ng ng i Vi t t i Lào.

Trên c s phân tích Ch ng 1 và Ch ng 2, Ch ng 3 s a ra các c s c ng nh thách th c i v i tri n v ng phát tri n c a c ng ng ng i Vi t t i Lào, t ó a ra các tri n v ng có th x y ra i v i c ng ng này và khuy n gh các bi n pháp có th th c hi n nh m tránh các tri n v ng tiêu c c và h ng t i các tri n v ng tích c c i v i óng góp c a c ng ng ng i Vi t t i Lào i v i m i quan h gi a hai bên.

9. Tài: Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản sau chiến tranh lạnh

Học viên: *Nguyễn Thị Lan Anh*

Trước bối cảnh mới, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội, yêu cầu tự do, khách quan, công bằng cho hai nước là không ngừng cải thiện, tăng cường quan hệ toàn diện kinh tế, văn hóa, hợp tác toàn diện với nhau. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản có sự chuyển biến, phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, thu hút sự chú ý của quốc tế. Những thành tựu đó không chỉ có sự trợ giúp làm gia tăng sự phát triển kinh tế mà còn đóng góp không nhỏ vào tiến trình xây dựng một Cộng đồng Đông Á thịnh vượng, hòa bình, dân chủ và phát triển. Do vậy, việc nghiên cứu sự biến đổi, những biến chuyển của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau chiến tranh lạnh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách. Vì vậy, sinh viên nghiên cứu về quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới hiện nay.

Lưu ý phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau chiến tranh lạnh, làm rõ thực trạng quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trên các lĩnh vực từ năm 1991 đến 2011, từ đó xu hướng phát triển ưu tiên, đưa ra dự báo về quan hệ Việt Nam - Nhật Bản năm 2020 và nêu một số khuyến nghị nhằm góp phần tăng cường quan hệ hai nước trong thời gian tới.

*** Kết luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 3 chương, 7 tiết.

Chương 1: Quan niệm tiếp cận và những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh.

Chương 2: Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản trên các lĩnh vực từ năm 1991-2011.

Chương 3: Triển vọng và khuyến nghị tăng cường quan hệ Việt Nam - Nhật Bản năm 2020

10. Tài: VN an ninh thông tin trong quan hệ quốc tế ng i

Học viên: Trần Xuân Tiên

Bước vào thế kỷ 21, sự phát triển vượt bậc của khoa học – công nghệ khiến cho sự cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia trong lĩnh vực thông tin trở nên vô cùng khốc liệt. Trình độ công nghệ thông tin cao hay thấp có ảnh hưởng sâu sắc đến và là yếu tố quyết định của quốc gia và tình hình thế giới toàn bộ các diễn biến chính trị quốc tế.

Các quốc gia và các khu vực trên thế giới đều coi an ninh thông tin là một bộ phận quan trọng trong chiến lược của an ninh quốc gia. Việt Nam đang thực hiện pháp luật và tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước nên không thể ngoại lệ xu thế chung này. Do đó Việt Nam cần cần phải ra sức phát triển nâng cao trình độ bảo vệ an ninh thông tin.

Xuất phát từ thực tế trên, việc nghiên cứu về an ninh thông tin là vấn đề có ý nghĩa và mặt lý luận cũng như thực tiễn hiện nay. Bởi vậy, tác giả chọn “VN an ninh thông tin trong Quan hệ quốc tế ng i” làm tài liệu về vấn đề này.

Kết luận nội dung luận văn:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1 - Những vấn đề chung về an ninh thông tin;

Chương 2 - Hợp tác quốc tế nhằm bảo vệ an ninh thông tin;

Chương 3 - Tình hình an ninh thông tin Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá, phân tích thực trạng an ninh thông tin hiện nay trên bình diện thế giới cũng như Việt Nam, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ an ninh thông tin của Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa đất nước. Cuối cùng luận văn cũng đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao khả năng bảo vệ an ninh thông tin cho đất nước trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay cũng như trong tương lai.

11. Tài liệu: Chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Thị Bảo Hiền

Tham vọng phát triển là chủ đề nổi bật trong chính sách kinh tế xã hội của Việt Nam. Khi kinh tế nguyên mẫu phát triển, Mục tiêu nâng cao quy mô kinh tế thị trường và thu nhập bình quân đầu người. Cho đến nay, sự chuyển đổi của Việt Nam vẫn không ngừng nào sánh nổi. Vì vậy Việt Nam có tầm nhìn hướng đến phát triển trên quy mô toàn cầu. Có thể nói chiến lược phát triển kinh tế xã hội là chủ đề trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam có tác động trực tiếp hay gián tiếp đến quan hệ quốc tế nói chung và lợi ích của mình nói riêng.

Hội đồng Bộ trưởng chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, nhằm thực hiện các chính sách của Việt Nam, các công cụ mà Việt Nam sử dụng nhằm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội là ưu tiên hàng đầu, có ý nghĩa thiết thực trong việc đánh giá tình hình quan hệ quốc tế của Việt Nam và vị trí của Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam. Chính vì vậy tác giả quy định những tài liệu về kinh tế xã hội của mình là “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI”.

Ngoài phần lời nói đầu và kết luận, bài báo luận văn gồm 3 chương: Trên cơ sở nghiên cứu về chiến lược phát triển kinh tế xã hội và phát triển kinh tế xã hội Việt Nam (chương 1), tác giả đã phân tích, đánh giá về chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI (thể hiện qua chương 2) và dự báo chỉ số phát triển kinh tế xã hội Việt Nam (trong nội dung chương 3).

Có thể thấy, trong suốt thập niên đầu thế kỷ XXI Việt Nam đang nâng cao vị trí trong mô hình “nhất siêu – đa cực”. Với nền công nghiệp và kinh tế Việt Nam ngày 11/9/2001 làm rung chuyển nền kinh tế Việt Nam nhưng không làm lay chuyển chủ trương phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

12. Tài liệu: Hiệp ước Lisbon và những tác động của Chính sách đối ngoại và An ninh chung châu Âu.

Học viên: Mạc Như Quỳnh

Sau hơn 50 năm tồn tại và phát triển, Liên minh châu Âu (EU) hiện nay có công nhận là một trong những tổ chức liên kết khu vực thành công nhất trên thế giới. Tuy nhiên, EU vẫn đang trên con đường nhụt thế và giảm sút không ít tầm ảnh hưởng, một trong số đó là sự thất bại của bản dự thảo Hiến pháp chung. Hiệp ước Lisbon ra đời và được toàn thể thành viên EU thông qua 8 năm sau được xem là một bước đi quan trọng trên con đường thăng tiến của châu lục này.

Những quy tắc sách vở về đối ngoại và an ninh sẽ có những quan trọng quan hệ của EU với các nước ngoài minh chứng vì các khía cạnh về thế của EU trên chính trường quốc tế. Chính sách đối ngoại và An ninh chung (CFSP) là một trong ba trụ cột quan trọng trên con đường phát triển của Liên minh châu Âu. Vì vậy tìm hiểu CFSP, các bài tập đi tác động của Hiệp ước Lisbon sẽ góp phần đưa ra một góc nhìn mới, cập nhật và một số đề xuất trong tương lai gắn liền với các chính sách về ngoại giao và an ninh của Liên minh châu Âu, một chủ đề ngày càng có tầm nói trên diễn đàn chính trị thế giới.

thực hiện các mục đích nghiên cứu trên, luận văn giới thiệu quy tắc những nhiệm vụ cơ bản sau:

Tìm hiểu quá trình hình thành và triển khai Chính sách đối ngoại và An ninh chung châu Âu.

Tìm hiểu quá trình ra đời của Hiệp ước Lisbon và những tác động của nó đối với Chính sách đối ngoại và An ninh chung châu Âu.

Phân tích những tính toán lợi ích của Mỹ và EU trong mối quan hệ minh chứng lịch sử.

Đánh giá quan hệ EU – Mỹ trong tương lai dựa trên tác động của Hiệp ước Lisbon.

13. Tài: Vai trò và tri n v ng c a n n n m 2020

H c viên: Cao th Bích Liên

Nh ng n m cu i th k XX, u th k XXI, th gi i ch ng ki n s thay i nhanh chóng trong quan h qu c t , v i s tr i d y m nh m c a Trung Qu c, n , Brazil... Các c ng qu c ang n i lên này s coi vi c khai thác nh ng c h i do s phát tri n c a th tr ng toàn c u mang l i là cách t t nh t, kh ng nh v trí c a mình trên tr ng qu c t . T n m 1998, n tr thành n c có v khí h t nhân và hi n nay ã chính th c tham gia câu l c b các n c s d ng v khí h t nhân (bên c nh M , Nga, Trung Qu c....).

V th c a n hi n nay so v i chính nó cách ây h n m i n m ã khác h n. n không còn b ng tr c nh ng thay i c a th i cu c mà ang ch ng t o ra nh ng thay i có l i cho mình. n ang c g ng t o d ng m i quan h t t p v i M , ti n t i bình th ng hóa quan h v i Pakistan, thân thi n v i Trung Qu c, i tho i v i Nga, m r ng nh h ng trong vùng n D ng, gây d ng ni m tin v i các n c ông Nam Á, v n ng tr thành i đi n th hai c a châu Á trong H i ng B o an LHQ. n s t c v th cao h n n a trong khu v c và trên tr ng qu c t .

Vì th , nghiên c u v vai trò c a n i v i s phát tri n c a th gi i không ch là v n h c thu t, mà có ý ngh a th c ti n chính tr l n, góp ph n cung c p thêm t li u và bài h c kinh nghi m cho vi c ho ch nh chính sách phát tri n c a các n c ang phát tri n, trong ó có Vi t Nam.

14. Tài liệu quy định phòng Vệ t Nam t sau chi n tranh l nh n nay

H c viên: Chu Xuân Tu n

Qua h n 65 n m xây d ng, chi n u và tr ng thành, Quân i nhân dân Vi t Nam ã l p nên nh ng chi n công hi n hách, cùng dân t c ách th ng nhi u cu c chi n tranh xâm l c l n, góp ph n quan tr ng trong cách m ng dân ch nhân dân, giành c l p, t do cho dân t c, th ng nh t T qu c, a t n c v ng b c ti n lên con ng xây d ng xã h i ch ngh a, th c hi n m c tiêu dân giàu, n c m nh, dân ch , công b ng, v n minh. D i s lãnh o c a ng C ng s n Vi t Nam, công cu c i m i toàn di n t n c t c nh ng thành t u to l n có ý ngh a l ch s . Ch ng và tích c c h i nh p qu c t trong b i c nh th gi i, khu v c có nh ng bi n ng ph c t p, khó l ng, Vi t Nam ang ng tr c v n h i, th i c l n h p tác, phát tri n, nh ng c ng g p không ít khó kh n, thách th c gay g t, tác ng không thu n l i n s nghi p xây d ng và b o v T qu c. n nay, Vi t Nam ã có quan h qu c phòng chính th c v i 65 n c trong ó có các c ng qu c trên th gi i; ã thi t l p tùy viên qu c phòng t i 31 n c và ã có 42 n c thi t l p tùy viên qu c phòng t i Vi t Nam.

Có th nói, ho t ng i ngo i qu c phòng không ch t ng c ng h p tác qu c phòng gi a Quân i Nhân dân Vi t Nam v i quân i các n c khác, qu ng bá hình nh c a Quân i Nhân dân Vi t Nam n b n bè qu c t mà thông qua ó ta có th tìm hi u nh ng chi n l c quân s c a các c ng qu c trong khu v c và trên th gi i. ây chính là m t kênh quan tr ng giúp các c quan làm công tác i ngo i qu c phòng có th tham m u, xu t cho ng, Nhà n c và Quân i ra ch tr ng chính sách, chi n l c qu c phòng cho phù h p v i tình hình th gi i y bi n ng.

15. Tài liệu tranh ảnh nghệ thuật Nga và Mỹ tại Trung Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: *Cung Quang Hoàng*

Trên hết, tài liệu làm rõ quá trình tranh ảnh nghệ thuật Nga và Mỹ tại Trung Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Khu vực Trung Á hiện nay có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và vị trí địa - chính trị quan trọng với các cường quốc trên thế giới, đặc biệt là Mỹ và Nga. Cuộc tranh chấp Nga - Mỹ tại Trung Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI đang thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều học giả, các chuyên gia, các nhà phân tích chính trị. Trên thực tế, khó có thể đưa ra những đánh giá chính xác về vị thế hiện nay của Mỹ hay Nga trong khu vực Trung Á.

Hơn nữa, tài liệu làm sáng tỏ sự tranh ảnh nghệ thuật Nga và Mỹ tại Trung Á sẽ có những tác động rõ rệt với sự phát triển của khu vực Trung Á trong tương lai. Đó là sự tranh ảnh giữa hai cường quốc này sẽ gây nên những nhân tố tác động và làm phát triển thêm quan hệ quốc tế trong khu vực. Những mặt khác sự tranh ảnh này cũng tạo điều kiện cho các nước trong khu vực Trung Á phát triển và nâng cao vị thế, thúc đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa khu vực và thế giới.

Cuối cùng, tài liệu đã phân tích sâu sắc những cơ hội và thách thức của tranh ảnh nghệ thuật Nga và Mỹ tại khu vực này trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Đó là: Khả năng thúc đẩy, hai cường quốc này tiếp tục tranh ảnh nghệ thuật không xảy ra xung đột và hình thành các diễn biến nguy hiểm. Khả năng thúc đẩy hai cường quốc tiếp tục tranh ảnh để nắm giữ vị thế.

16. Tài liệu: Quan hệ tác chiến lực lượng Việt Nam - Nhật Bản 2006-2010: Các vấn đề, thách thức và triển vọng

Họa viên: Anh Tuấn Hoàng Phương

Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản luôn là mối quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của cả hai nước. Ngược lại, sự phát triển kinh tế và không ngừng mở rộng thị trường cho Việt Nam. Thông qua việc phân tích và làm rõ tài liệu này sẽ giúp tìm hiểu rõ hơn những nét cơ bản trong hợp tác giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực giai đoạn 2006 - 2010. Ngược lại, nhìn nhận những khó khăn còn tồn tại trong việc thúc đẩy và làm sâu sắc mối quan hệ tác chiến.

Nội dung của luận văn tập trung vào phân tích vai trò của Việt Nam, Nhật Bản ở vùng biển và quần đảo, kinh tế - thương mại - xuất nhập khẩu và môi trường. Bên cạnh đó, các chủ đề chuyên đề cao quan trọng của lãnh đạo hai nước, các thỏa thuận và Hiệp định ký kết, những thách thức và cơ hội trong quan hệ song phương dưới góc độ ký kết các ngành kinh tế khai thác Hiệp định tác chiến lực lượng. Qua đó, những nhận xét và đề xuất về quan hệ tác chiến lực lượng Việt Nam - Nhật Bản ở vùng biển hai nước một cách toàn diện.

Trình bày và nêu rõ các kết quả nghiên cứu trên một số lĩnh vực hợp tác chính giữa hai nước như chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại - xuất nhập khẩu và môi trường khác. Bên cạnh đó, các chủ đề chuyên đề cao quan trọng của lãnh đạo hai nước, các thỏa thuận và Hiệp định ký kết, những thách thức và cơ hội trong quan hệ song phương dưới góc độ ký kết các ngành kinh tế khai thác Hiệp định tác chiến lực lượng. Qua đó, những nhận xét và đề xuất về quan hệ tác chiến lực lượng Việt Nam - Nhật Bản ở vùng biển hai nước một cách toàn diện.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm quan trọng, một số mối quan hệ tác chiến lực lượng chưa được chú trọng, sâu rộng hơn thì tác động của những khó khăn còn hiện hữu và tìm ra những giải pháp. Trong Chương 3 của luận văn, tác giả phân tích những thuận lợi cũng như những khó khăn ở vùng biển hai nước trong bối cảnh hiện nay. Ngược lại, những nhận xét và đề xuất những giải pháp cần góp phần khắc phục những khó khăn còn tồn tại trong mối quan hệ tác chiến lực lượng theo hướng và ứng dụng tinh thần mà lãnh đạo cấp cao hai bên mong muốn.

17. Tài: Nhân tố văn hóa, giáo dục trong quan hệ Việt Nam- Hoa K giai o n 1995-2011

H c viên: Kì u Linh

Giai o n 1995-2010 th gi i có nhi u b t n song m t h p tác v n là xu th ch o trong quan h qu c t . Quan h Vi t Nam – Hoa K b c sang m t th i k m i và n r trên m i l nh v c t sau bình th ng hoá. Trong xu th chung là toàn c u hóa thì v n ngo i giao v n hóa c a các qu c gia th c s phát huy s c m nh và gây nh h ng ra bên ngoài. Vi t Nam coi ngo i giao v n hóa là kênh quan tr ng c a ngo i giao Vi t Nam trong th i k h i nh p. Nói n v n hóa là nói n s c m nh m m, trong giai o n này v n hóa có tác tác ng m nh m t i s phát tri n quan h Vi t Nam- Hoa K , i u này c bi t c th hi n h p tác giáo d c Vi t Nam – Hoa K , gia t ng c v ch t và l ng bên c nh s h p tác trên m t lo t các l nh v c v n hóa khác nh : l nh v c y t , khoa h c công ngh , nhân o và gi i quy t h u qu chi n tranh...

V n hóa v a là m c tiêu v a là ng l c c a phát tri n kinh t . S tác ng m nh m c a nó ã ph n nào xóa i rào c n, s khác bi t ng th i là c u n i, thúc y quan h chính tr ngo i giao, kinh t Vi t Nam - Hoa K . ây c xem là m t trong các nhân t quan tr ng thúc y quá trình bình th ng hóa quan h Vi t Nam- Hoa K . T th c t trên chúng ta có th nh n th y r ng quan h v i Hoa K ã nâng cao v th , vai trò c a Vi t Nam trong khu v c và trên th gi i. Tuy nhiên v n còn m t s v n t n t i và c n tr trong m i quan h song ph ng này ó là: nhân quy n, dân ch t do, ng i M g c Vi t...

Tóm l i, là m t trong nh ng y u t quan tr ng tác ng n quan h Vi t Nam- Hoa K , v n hóa ngày càng c chú tr ng h n trong quan h qu c t . Phát huy th m nh ngo i giao v n hóa c a Vi t Nam trên tinh th n gi gìn b n s c v n hóa dân t c chính là cách t t nh t h p tác v i Hoa K theo h ng n nh lâu dài vì l i ích c a nhân dân hai n c, vì hòa bình, phát tri n trong khu v c và trên th gi i.

18. Tài: Nhân t nhân quy n trong quan h M - Trung Qu c sau Chi n tranh l nh

H c viên: Lê Hà Anh Th

Nhân quy n là giá tr chung c a nhân lo i, là quá trình u tranh c a loài ng i vì t do, công b ng và phát tri n. Trong Quan h qu c t , c bi t t sau Chi n tranh l nh k t thúc, v n nhân quy n v a là n i dung h p tác, trao i gi a các n c, v a là v n nh y c m, ph c t p th ng b m t s qu c gia s d ng làm công c ph c v các m c ích riêng trong chính sách i ngo i c a mình. i v i Vi t Nam, M và Trung Qu c luôn là hai n c l n c chú tr ng hàng u trong chính sách i ngo i c a n c ta.

Các ng thái trong chính sách c a t ng n c và trong m i quan h song ph ng gi a hai n c có tác ng n vi c i u ch nh chính sách c a Vi t Nam. Bên c nh ó, b n thân Vi t Nam c ng ang ph i u tranh trên m t tr n dân ch , nhân quy n trong quan h v i các n c ph ng Tây, nh t là v i M . Vi c nghiên c u cách x lý c a Trung Qu c v v n này trong m i quan h v i M c ng mang l i m t s kinh nghi m cho Vi t Nam áp d ng vào tr ng h p th c t c a n c ta.

Nhân t nhân quy n ph n ánh khá rõ s nghi k c a M i v i Trung Qu c c ng nh s b t bình c a Trung Qu c i v i chính sách c a M . Tuy nhiên, trên th c t , qua nhi u i T ng th ng M t sau Chi n tranh l nh n nay, m c dù c p khá nhi u n nhân t nhân quy n trong chính sách c a mình nh ng cho n nay M v n ch a có hành ng c th nào áng k “tr ng ph t” Trung Qu c khi n c này liên t c b M cáo bu c vi ph m nhân quy n. T ng t , v phía Trung Qu c, m c dù r t b t bình v i nh ng cáo bu c c a M nh ng nh ng ph n ng c a h c ng ch a t o ra sóng gió th c s trong quan h gi a hai n c.

19. Tài liệu: Chi n l c an ninh c a M t i châu Á – Thái Bình D ng th p niên u th k XXI

H c viên: Lê Minh H ng

Chi n tranh l nh k t thúc cùng v i s s p c a Liên Xô ã em n cho M c h i tr thành siêu c ng duy nh t th gi i. D i hai nhi m k c a T ng th ng Bill Clinton, M theo u i chi n l c i ngo i “can đ và m r ng” v i m c tiêu bao trùm là duy trì v th , vai trò lãnh o c a M và ng n không cho m t c ng qu c hay m t nhóm n c nào n i lên e đ a v trí siêu c ng s m t c a M trên tr ng qu c t .

Chính quy n Bush và chính quy n Obama ã ti n hành m t s i u ch nh chi n l c an ninh phù h p v i nh ng bi n ng c a tình hình th gi i và khu v c nh m m c tiêu b t bi n là duy trì v trí lãnh o c a M châu Á – Thái Bình D ng.

Nh ng i u ch nh chi n l c an ninh c a M t i châu Á – Thái Bình D ng ã tác ng n môi tr ng an ninh c a Vi t Nam. M t m t, chi n l c an ninh c a M góp ph n t o đ ng môi tr ng n nh t ng i khu v c, trong ó có Vi t Nam, thúc y quan h h p tác an ninh – quân s Vi t – M , nâng cao v th c a Vi t Nam trong khu v c, nh ng v lâu dài, vi c t ng c ng l c l ng quân s c a M khu v c s t o ra nhi u tác ng ph c t p i v i an ninh, n nh c a nhi u n c trong khu v c, trong ó có Vi t Nam, tác ng n quan h i ngo i c a Vi t Nam. Do ó, vi c thúc y quan h h p tác trên l nh v c an ninh – qu c phòng gi a hai n c là quá trình u tranh và h p tác. M t m t, u tranh gi v ng nguyên t c, m t khác ph i linh ho t v i sách, t ng b c phát tri n quan h h p tác theo h ng thi t th c và hi u qu . Bên c nh ó, Vi t Nam c n y m nh nghiên c u các ho t ng h p tác a ph ng trong khuôn kh h p tác an ninh ASEAN- M . i u ó s góp ph n làm gi m b t tính nh y c m trên m t s v n trong quan h gi a hai n c.

20. Tài: Quan hệ Việt Nam - nước bạn trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Lê Ngọc Ngọc

Trong hai thập kỷ qua, nước bạn ngày càng nổi lên mạnh mẽ về kinh tế, quân sự và tầm ảnh hưởng, có vai trò ngày càng quan trọng ở Châu Á và thế giới, khi nước bạn ngày càng quan tâm. Việt Nam cũng đang thực hiện thành công công cuộc cải tiến và hình thành quốc gia. Hai nước có nhu cầu tìm kiếm sự hợp tác, văn minh, lịch sử và tiến trình phát triển, chia sẻ nhu cầu tìm kiếm lợi ích, các biệt về kinh tế và chính trị. Nước bạn luôn coi trọng vai trò của Việt Nam trong Chính sách Ngoại giao và Việt Nam luôn tận dụng vị trí ưu tiên cao trong chính sách đối ngoại của mình. Hai nước luôn coi trọng vai trò của nhau trong quá trình phát triển. Trong nửa cuối thế kỷ XX và các biệt là thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, quan hệ Việt Nam - nước bạn luôn được củng cố và phát triển trong khuôn khổ hợp tác hữu nghị, truyền thống lâu đời. Mặc dù vậy, do nhu cầu nguyên nhân chủ quan và khách quan, tìm kiếm sự hợp tác mới cần có khai thác có hiệu quả.

Xuất phát từ những tình hình đó, quan hệ hai nước trong thập niên qua đã có những bước phát triển mới. Các biệt, vì các hai nước thiết lập quan hệ đối tác chính trị vào tháng 7/2007 là dấu mốc quan trọng của quan hệ hai nước lên tầm cao mới. Nhìn lại quá trình phát triển quan hệ hai nước Việt Nam - nước bạn trong thập niên đầu thế kỷ XXI, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Khuôn khổ quan hệ hai nước có sự thay đổi về chất, từ quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống nhu cầu chuyển sang hợp tác toàn diện (năm 2003) và sau đó là quan hệ đối tác chính trị (năm 2007).

- Quan hệ hai nước chuyển dần sang quan hệ đối tác, hợp tác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, ngày càng đi vào chiều sâu và thực chất hơn, phát triển trên cơ sở chính trị và nhân văn;

- Hình thức quan hệ nào trong quá khứ là tốt đẹp như quan hệ Việt Nam - nước bạn và yêu cầu hữu nghị truyền thống này tiếp tục được phát huy và đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hai nước thập niên đầu thế kỷ XXI.

21. Tài liệu: Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Thanh Xuân

Liên minh châu Âu (EU) hiện nay là đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế, tích cực hỗ trợ Việt Nam phát triển kinh tế - xã hội và hình thành kinh tế thị trường. Phát triển quan hệ hợp tác chiến lược với EU là chính sách quan trọng của Việt Nam trong quá trình phát triển và hình thành.

Mối quan hệ Việt Nam - EU đang trở thành một chủ đề nóng và thách thức, cần phải được nghiên cứu, tìm kiếm nội dung và hình thức mới cách hiệu quả, thiết thực. Nghiên cứu quan hệ Việt Nam - EU nhằm tìm kiếm cách ứng dụng, ý thức chuyển đổi thành tựu và triển vọng quan hệ của hai bên, thông tin báo chí, xuất bản, kinh nghiệm học tập và nghiên cứu để làm lợi, thúc đẩy phát triển mối quan hệ Việt Nam - EU, việc nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cấp thiết vì vậy cần được ưu tiên nghiên cứu.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1 (Cơ sở phát triển quan hệ Việt Nam - EU trong thập niên đầu thế kỷ XXI) phân tích những yêu cầu tác động của Việt Nam và EU thị trường, cạnh tranh và phát triển quan hệ hợp tác.

Chương 2 (Quan hệ Việt Nam - EU trong thập niên đầu thế kỷ XXI) đi sâu phân tích tình hình hợp tác Việt Nam - EU trong thập niên đầu thế kỷ XXI trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá-giáo dục - y tế.

Chương 3 (Nhận định và kiến nghị chính sách của Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ Việt Nam - EU) nêu lên những nhận định, xu hướng kinh tế mang tính gợi ý pháp của Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ toàn diện với EU.

22. Tài liệu: Quá trình xây dựng quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh

Học viên: Nguyễn Thị Huyền

Việt Nam và Nhật Bản chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1973, ngay trong thời kỳ Chiến tranh lạnh quan hệ hai nước rất căng thẳng. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, Việt Nam – Nhật Bản mới có điều kiện tiếp xúc và hợp tác với nhau và quan hệ ngày càng phát triển phù hợp với xu thế chung của thời đại và lợi ích của cả hai bên.

Việt Nam và Nhật Bản là đối tác chiến lược của Việt Nam từ năm 1992 đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ VN – Nhật Bản. Trước đó, quan hệ song phương phát triển nhanh chóng về chiều rộng nhưng chiều sâu trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật, giáo dục và y tế vẫn còn hạn chế. Đầu thập niên 2000, Việt Nam – Nhật Bản đã thiết lập khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược khi Việt Nam có các nguyên tắc cơ bản về mối quan hệ giữa Việt Nam và các đối tác trong Nghị quyết số 9 của Bộ Chính trị (2001). Tháng 10/2006, trong chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, hai bên đã ra Tuyên bố chung Việt Nam – Nhật Bản xác định hai nước hướng tới xây dựng “Quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và phồn vinh Châu Á”. Từ khi khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ hợp tác Việt Nam – Nhật Bản phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực và tất cả các ngành kinh tế.

Lưu ý rằng quá trình này diễn ra theo tiến trình lịch sử. Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn chia làm 3 chương: Chương 1 là luận văn trình bày khái quát về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trước khi chiến tranh lạnh kết thúc, trong đó có phần phân tích nội dung liên quan đến quan hệ Việt Nam – Nhật Bản giai đoạn tiếp theo. Chương 2 là luận văn trình bày về các bước xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam – Nhật Bản. Tập trung vào quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong khoảng một thập kỷ trước khi chiến tranh lạnh kết thúc. Chương 3 là luận văn trình bày về việc nâng cấp quan hệ Việt Nam – Nhật Bản lên thành đối tác chiến lược từ năm 2002.

23. Tài liệu: Chính sách của chính quyền George.W.Bush đối với Iraq sau sự kiện 11/9/2001

Học viên: Nguyễn Việt Cường

Các diễn biến thị trường hiện nay hình thành xu thế “nhất siêu đa cực”, trong đó Mỹ được coi là cực quyền số một, có tiếng nói và ảnh hưởng to lớn đến các khu vực trên thế giới, ảnh hưởng quan hệ quốc tế cũng như trong việc qui định những vấn đề toàn cầu. Tuy nhiên khách quan nêu trên, chúng ta phải nhìn nhận các quốc gia đều xem trọng nhân tố Mỹ trong hoạch định chính sách đối ngoại của mình. Do vậy, nghiên cứu về các cực quyền nói chung và về chính sách đối ngoại của Mỹ nói riêng luôn là yêu cầu cần thiết.

Lịch sử của Mỹ những năm cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 ngày nay đã tròn 10 năm xảy ra sự kiện (11/9/2001–11/9/2011), và khủng hoảng này tiếp tục tác động sâu sắc đến nước Mỹ. Với thời gian 10 năm nhìn nhận, đánh giá, sự kiện 11/9 không chỉ ghi dấu ấn ý nghĩa của một vụ khủng hoảng gây thiệt hại về vật chất và nhân mạng mà nó đã làm thay đổi nền tảng của ngành dân và chính quyền Mỹ. Vụ khủng hoảng 11/9 được xem như một ảnh hưởng “Ngày thế giới thay đổi”¹. Sự thay đổi mà sự kiện 11/9 đem lại là sự nhìn nhận mới của nước Mỹ về khủng hoảng - một vấn đề an ninh phi truyền thống và không được các chính quyền Mỹ coi trọng trước thời điểm 11/9/2001. Nước Mỹ bước đầu tiên hành động chiến lược khủng hoảng trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh ảnh hưởng nội địa, còn gọi là “Hiệu ứng Bush” đã ra đời cùng cuộc chiến tranh khủng hoảng. Tác động “tức thời” của sự kiện 11/9 là hai cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành tại Afghanistan và Iraq, trong đó hậu quả của cuộc chiến của Mỹ tại Iraq năm 2003 tiếp tục là mối quan tâm, nghiên cứu của nhiều chính phủ và các học giả.

Trong bối cảnh cuộc chiến tranh Iraq năm 2003 dường như là sự thử nghiệm ưu tiên của bên pháp ảnh hưởng nội địa, luận văn chọn tài liệu nghiên cứu “Chính sách của chính quyền George.W.Bush đối với Iraq sau sự kiện 11/9/2001”. Nhằm tên của tài liệu phân tích, nội dung của luận văn làm sáng tỏ những tác động, hậu quả của sự kiện 11/9 đối với việc duy trì ngoại giao chính quyền Bush và những quy tắc sách đối với Iraq. Chính sách của chính quyền Bush đối với Iraq được phân tích dưới góc nhìn hậu quả của sự kiện 11/9. Luận văn cũng phân tích những nhân tố đã dần dần hình thành chiến lược an ninh mới của chính quyền Bush, nội dung và bên pháp thực hiện chiến lược. Ngoài ra, luận

¹ “The day the world changed” – The Economist (13/9/2001), <http://www.economist.com/node/780341>

v n nêu nh ng h qu mà cu c chi n Iraq em l i i v i quan h qu c t , khu
v c ông Nam Á và m t s kinh nghi m rút ra i v i Vi t Nam.

24. Tài: Quan hệ Việt Nam – Australia từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay

Học viên: Phạm Lê Hoa

Quan hệ Việt Nam – Australia chủ yếu chi phối bởi những cơ cấu phát triển của hai quốc gia. Việt Nam và Australia là hai quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương, xa nhau về khoảng cách địa lý, khác nhau về chế độ chính trị, về diện tích lãnh thổ, về tôn giáo, ngôn ngữ và trình độ phát triển kinh tế. Về chính sách đối ngoại rộng rãi, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ theo tinh thần “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các quốc gia trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, Việt Nam cần phải mở rộng quan hệ, tăng cường hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Về phía Australia, về chính sách hàng đầu Châu Á, Australia mong muốn trở thành một trong những tác nhân quan trọng của Việt Nam. Tóm lại, tác giả thấy rằng việc thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Australia là nhiệm vụ cấp bách trong công tác triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới.

Để thể hiện nhiệm vụ nghiên cứu trên, luận văn đã nêu ra các khái quát quá trình phát triển quan hệ Việt Nam – Australia trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Tóm lại, phân tích và đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ hai quốc gia sau Chiến tranh Lạnh kết thúc như yếu tố lịch sử; những thay đổi lãnh thổ và khu vực; vị trí địa lý trong chính sách đối ngoại nói chung và chính sách đối ngoại với nhau của Việt Nam và Australia.

Cùng với nội dung chính, quá trình triển khai thực hiện chiến lược công tác trên các phương diện: Chính trị, kinh tế - thương mại, an ninh quốc phòng, văn hóa-giáo dục. Tóm lại, đánh giá về những nguyên nhân dẫn đến thành công và hạn chế của mối quan hệ này. Cuối cùng, luận văn đã đưa ra một số đề xuất và triển vọng quan hệ Việt Nam – Australia trong những thập niên tiếp theo hai thập kỷ XXI và nêu những mục tiêu chính sách đối ngoại của ta nhằm thúc đẩy mối quan hệ song phương ngày càng phát triển.

25. Tài: Các chính sách phòng – an ninh của Asean

Học viên: Phạm Tân Phong

Tình hình thế giới hiện nay diễn biến khá phức tạp, cạnh tranh gay gắt, xung đột sắc tộc, tôn giáo và những thách thức an ninh môi trường ngày càng phát triển, đe dọa trực tiếp tới sự an ninh của không chỉ một quốc gia, một khu vực. Theo đó, hợp tác quốc phòng - an ninh đã và đang trở thành nhu cầu tất yếu của tất cả các quốc gia trên thế giới nói chung và của ASEAN nói riêng. Việt Nam, là quốc gia thành viên của ASEAN, vì vậy nên tích cực tham gia có hiệu quả vào các chính sách phòng – an ninh của ASEAN có ý nghĩa vô cùng quan trọng và thiết thực. Đây cũng chính là cơ hội để chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về những hợp tác trong lĩnh vực này và vai trò của Việt Nam.

Tài liệu chia làm ba chương, cụ thể: Chương 1: Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng - an ninh của ASEAN; Chương 2: Các chính sách phòng – an ninh của ASEAN; các pháp lý, thành tựu và hạn chế; Chương 3: Xu hướng hợp tác quốc phòng - an ninh của ASEAN và đóng góp của Việt Nam.

Trong chương 1, tác giả tập trung phân tích những nhân tố chính thúc đẩy hợp tác quốc phòng – an ninh của ASEAN. Chương 2 nêu và phân tích các văn bản pháp lý xác định các pháp lý hình thành các chính sách phòng – an ninh của ASEAN, đồng thời phân tích nội dung cũng như những thành tựu và hạn chế của các chính sách phòng – an ninh của Hiệp hội. Thông qua phân tích các thành tựu và hạn chế trong Chương 2, trong Chương 3, tác giả phân tích những xu hướng hợp tác quốc phòng – an ninh của ASEAN thời gian tới, đồng thời phân tích những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng và triển khai các chính sách phòng – an ninh của Hiệp hội, qua đó xác định những hợp tác quốc phòng – an ninh tiếp theo.

26. Tài liệu: Chính sách ngoại giao ngoại lang của Trung Quốc đối với các nước Trung Á

Học viên: Phạm Thu Thủy

Chính sách ngoại giao ngoại lang của Trung Quốc tại khu vực Trung Á có tác động không nhỏ đến quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Trung Á và quan hệ giữa Trung Quốc với các nước láng giềng. Chính sách này có ảnh hưởng tích cực và thực tiễn mang lại những kết quả bước đầu tích cực, đóng góp cho sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc.

Lưu ý những điểm chính sau:

- Các lý thuyết và thực tiễn về Trung Quốc xây dựng chính sách ngoại giao ngoại lang, nội dung cốt lõi của chính sách ngoại giao ngoại lang (nói chung) của Trung Quốc và tác động đối với quan hệ quốc tế.

- Trung Á trong chính sách ngoại giao ngoại lang của Trung Quốc. Trung Á ngoài việc sở hữu kho dự trữ dầu khí còn là “trận địa cạnh tranh” còn có ý nghĩa địa chính trị quan trọng đối với Trung Quốc. Thực hiện mục tiêu đó, Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau như tranh thủ các cuộc đàm phán về hợp tác nhà nước, thành lập các SCO và phát huy vai trò lãnh đạo của Trung Quốc trong tổ chức này, sử dụng sự mềm mỏng tài chính cho các nước Trung Á vay nợ ngân hàng ngoại lang nhằm lôi kéo họ quay trở lại các mối liên hệ.

Phân tích về Việt Nam sẽ tập trung vào hai điểm (i) Việt Nam cần nhận thức rõ ràng, phòng tránh những nguy cơ thái “ngoại giao ngoại lang” của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á; (ii) tìm hiểu chiến lược ngoại giao ngoại lang của Trung Quốc, những nguyên nhân thành công và hạn chế, cách thức hành động và những thách thức trong vấn đề bảo đảm an ninh ngoại lang có thể giúp những kinh nghiệm cho Việt Nam vận dụng xây dựng chiến lược ngoại giao quốc gia./.

27. Tài: Tác ng c a quan h M -Trung n an ninh c a khu v c ông B c Á giai o n 2001-2010

H c viên: Tr n Khang Ninh

Xu t phát t th c t công vi c c a h c viên, vi c nghiên c u tác ng c a quan h M -Trung n an ninh c a khu v c ông B c Á trong giai o n 2001-2010 s giúp h c viên có nhìn nh n rõ h n v quan h M -Trung và t ó t o thu n l i trong công vi c c a h c viên ó là x lý m i quan h Vi t-M .

Lu n v n t p trung phân tích ánh giá tác ng c a m i quan h M -Trung i v i các v n an ninh c th khu v c ông B c Á. V n an ninh ây xét khía c nh các v n an ninh truy n th ng và an ninh phi truy n th ng. Các v n an ninh truy n th ng g m: v n h t nhân trên bán o Tri u Tiên, v n ài Loan và v n tranh ch p lãnh th trên bi n. V n an ninh phi truy n th ng g m các v n v ch ng kh ng b , d ch b nh, bi n i khí h u...

Qua nghiên c u, h c viên nh n th y khu v c ông B c Á, xét v t ng th , c ng th ng trong quan h M - Trung có tác ng tiêu c c n các v n an ninh khu v c. Tr c ti p và gián ti p, s c ng th ng trong quan h M - Trung khi n cho các v n an ninh ây tr lên nóng h n. Khi quan h gi a M và Trung Qu c x u i, các v n : ài Loan, tranh ch p lãnh th trên bi n, v n h t nhân trên Bán o Tri u Tiên, các v n an ninh phi truy n th ng s không c hai n c h p tác ch t ch , c ng th ng s gia t ng. i u này s nh h ng t i kh n ng duy trì an ninh c a khu v c. Ng c l i, n u m i quan h M - Trung t t p, hai n c s cùng nhau t ng c ng h p tác, gi i quy t các v n khu v c, mang l i s n nh cho khu v c.

Trong th i gian t i, th và l c c a M v n ti p t c c duy trì, trong khi ó th và l c c a Trung Qu c s t ng lên, quan h hai n c v n s tr ng thái v a c nh tranh v a h p tác, và ti p t c có tác ng m nh n an ninh khu v c ông B c Á nói riêng và khu v c Châu Á – Thái Bình D ng nói chung.

28. Tài: Các ghi pháp nh m phát huy ngu n l c c a c ng ng ng i Vi t Nam n c ngoài

H c viên: V Thanh Huy n

Xuyên su t quá trình l ch s t công cu c ghi i phóng dân t c, th ng nh t t n c n công cu c d ng xây và phát tri n t n c ngày nay, c bi t là trong quá trình h i nh p qu c t , c ng ng ng i Vi t Nam n c ngoài ã luôn th hi n vai trò quan tr ng qua nh ng óng góp không nh tr c ti p và gián ti p i v i t n c. Ti m n ng c a c ng ng ng i Vi t Nam n c ngoài là th c s to l n, c n c chú ý, khai thác và phát huy theo h ng tr c h t là có l i cho b n thân c ng ng và ti p theo là có l i cho t n c. Tr c xu th ngày càng phát tri n v s l ng, quy mô thành ph n c a ng i Vi t Nam n c ngoài, vi c nghiêm túc nghiên c u i t ng này là h t s c c n thi t, giúp ho ch nh úng chính sách, úng i t ng và t hi u qu . Bi n pháp thu hút và phát huy ngu n l c c ng ng ng i Vi t Nam n c ngoài c n c xem xét trên c s các yêu c u v phát tri n kinh t - chính tr - xã h i. Trong ó, c ng ng có óng góp không nh cho công cu c xây d ng t n c thông qua các ho t ng kinh doanh, th ng m i, ki u h i, chuy n giao tri th c...

Trên tinh th n “coi c ng ng ng i Vi t Nam n c ngoài là m t b ph n không th tách r i, là ngu n l c c a c ng ng dân t c Vi t Nam; không phân bi t dân t c, tôn giáo, ngu n g c xu t thân, a v xã h i, lý do ra i n c ngoài... u c t p h p trong kh i i oàn k t dân t c” t ó ho ch nh chính sách nh m xóa b m i rào c n, h tr và t o i u ki n t t nh t cho ki u bào làm n, sinh s ng và phát tri n v ng m nh, có v trí x ng áng n c s t i, ng th i khuy n khích h gi gìn b n s c v n hóa dân t c, h ng v T qu c, phát huy ngu n l c óng góp tích c c cho công cu c phát tri n t n c. N i dung tài i sâu tìm hi u vi c th c hi n, tri n khai các ch tr ng, chính sách c a ng và Nhà n c, nh ng tác ng i v i ng i Vi t Nam n c ngoài th i gian qua. Trên c s ó, ánh giá nh ng h n ch và a ra các ghi i pháp (khuy n ngh) nh m giúp các nhà ho ch nh chính sách xu t nh ng chính sách hoàn thi n v m t lý thuy t và mang tính kh thi cao trong th c ti n. ng th i, xu th ng xây d ng c ch qu n lý th ng nh t và có h th ng c a Nhà n c th c hi n công tác i v i ng i Vi t Nam n c ngoài trên c s th ch hóa thành lu t nh ng n i dung Ngh quy t 36 c a B Chính tr c ng nh các ch tr ng, chính sách khác c a ng và Nhà n c;

hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa bộ máy thể hiện công tác liên quan
tại Việt Nam và nước ngoài.

Việc nghiên cứu, xuất nhúng và pháp nhúng quy tắc và
những lợi ích, nguy cơ và chính sách a ki u bào là y u t tr c tiên và thi t
y u quan trọng thể hiện những lợi ích các mục tiêu trong công tác
tại Việt Nam và nước ngoài./.

29. Tài: S c m nh m m Trung Qu c và nh ng h l y tiêu c c khu v c ông Nam Á

H c viên: V Th Quyên

S c m nh m m trong lý thuy t Quan h qu c t và trong chi n l c i ngo i c a Trung Qu c t sau CTL n nay. S c m nh m m ã c s d ng trong quan h qu c t t r t lâu, nh ng khái ni m v s c m nh m m i c Joseph Nye m i c kh ng nh. S c m nh m m không còn quá xa l v i Trung Qu c, c bi t trong nh ng n m g n ây khi Trung Qu c t ng c ng quan h v i các n c ông Nam Á, c s chính sách chính là chi n l c phát tri n hòa bình và chính sách láng gi ng, c s lý lu n và th c ti n là n n t ng l ch s lâu i và n n t ng c b n c a n c này nh m xây d ng hình nh Trung Qu c trong khu v c.

Trong th i gian u t th c hi n chi n l c s c m nh m m c a mình chi n d ch c ng ã em l i m t s y u t tích c c nh t ng c ng n nh khu v c và thúc y s phát tri n th nh v ng chung. Tuy nhiên v n tiêu c c ngày càng sâu s c trong chi n l c tri n khai s c m nh m m c a Trung Qu c t kinh t : nguy c e d a s phát tri n kinh t các n c trong khu v c; chính tr : nguy c chia r n i b ; an ninh: nguy c xung t v trang trong vi c gi i quy t các mâu thu n l i ích và v n hóa v i nguy c b t n v xã h i. Nguyên nhân n m ý th c hi n s c m nh m m, cách th c tri n khai và ph n ng c a các n c ông Nam Á.

Nh ng i u ch nh c a Trung Qu c. Tác ng n Vi t Nam và ki n ngh i sách c a Vi t Nam. i m t v i thách th c trong quá trình th c hi n chi n l c c a mình, ban lãnh o Trung Qu c c ng ang th c hi n nh ng bi n pháp m m d o xoa d u tình hình và c i thi n quan h v i các n c ông Nam Á ti p t c tri n khai chi n l c c a mình. Là m t n c láng gi ng có s g n g i v i Trung Qu c v nhi u m t, Vi t Nam c ng i m t v i nh ng thách th c không nh i v i chi n l c c a m t n c láng gi ng l n. h n ch y u t tiêu c c cùng phát tri n Vi t Nam c ng ph i có nh ng h ng i c th m b o cho an ninh và phát tri n c a t n c.

30. Tài liệu: Công tác thông tin i ngo i trong chính sách i ngo i c a Vi t Nam th i k i m i

H c viên: Nguy n Tô Lan Ph ng

Nh n th c rõ vai trò quan tr ng c a thông tin i ngo i c ng nh i t ng và n i dung c a thông tin i ngo i, ng và Nhà n c ta ã xác nh rõ công tác thông tin i ngo i không th tách r i chính sách i ngo i trong th i k i m i cùng v i vi c ra i các v n b n pháp quy quan tr ng v công tác thông tin i ngo i nh Ch th s 11 CT/TW c a Ban Bí th Trung ng ng ngày 13/6/1992 v “ i m i và t ng c ng công tác thông tin i ngo i”; Ch th s 10/2000/CT-TTg ngày 26/4/2000 c a Th t ng Chính ph v t ng c ng qu n lý và y m nh công tác thông tin i ngo i; Quy t nh 16-Q /TW ngày 27/12/2001 c a Ban Ch p hành Trung ng v vi c thành l p Ban Ch o Công tác thông tin i ngo i”; Ch th s 26-CT/TW ngày 10/9/2008 c a Ban Bí th v ti p t c i m i và t ng c ng công tác thông tin i ngo i trong tình hình m i... Công tác thông tin i ngo i t n m 1986 n nay ã giúp đ lu n th gi i hi u v ng l i i m i toàn di n và chính sách i ngo i m i c a Vi t Nam; u tranh đ lu n nh m gi i t a nh ng thông tin sai l ch v ng l i chính sách phát tri n kinh t xã h i c a, ph n bác các lu n i u thù ch liên quan n v n “dân ch ”, “nhân quy n”, “t do tôn giáo”, u tranh b o v ch quy n lãnh th và b o h công dân, gi i quy t các v n nh y c m nh n n nhân ch t c da cam, bom mìn ch a n ...trong quan h gi a Vi t Nam và m t s n c. Bên c nh ó, công tác thông tin i ngo i c ng góp ph n xây đ ng và qu ng bá hình nh Vi t Nam n b n bè qu c t . Bên c nh nh ng thành t u ã t c th i k i m i, công tác thông tin i ngo i c ng g p m t s h n ch c n gi i quy t trong th i gian t i nh hình nh Vi t Nam ch a c qu ng bá r ng rãi và bi t n, v n t n t i nh ng nh n th c sai l ch v Vi t Nam trên các v n chính tr , tôn giáo; c ch ph i h p gi a các c quan liên quan b c l nhi u b t c p; tính ch ng và s c thuy t ph c trong các l p lu n u tranh và v n ng đ lu n còn th p; công tác v n ng Vi t Kì u ch a t c hi u qu mong mu n... hoàn thi n và nâng cao công tác thông tin i ngo i phuc v cho chính sách i ngo i Vi t Nam, m t s gi i pháp trong th i gian ng n có th th c hi n nh hoàn thi n c ch và h th ng chính sách và pháp lý cho ho t ng thông tin i ngo i; t ng c ng ch t l ng l p lu n u tranh đ lu n; y m nh th c hi n c ch phát ngôn c a các B , ngành; t ng c ng nh h ng thông tin i ngo i cho các c quan báo chí Vi t Nam; y m nh tranh th phóng viên n c ngoài....

31. Tài liệu: Tranh chấp kinh tế M - Trung Quốc Nam Á sau chiến tranh lạnh

Học viên: Đoàn Anh Thu

Số lượng nhân lực và nguồn tham vọng thị trường hóa vai trò kinh tế của M, Trung Quốc thị trường và Trung Quốc Nam Á đã đẩy các nước trong khu vực vào không ít tình thế khó khăn, bất chấp những tác động không nhỏ. Tuy nhiên, nhận thức không đồng nhất về vị trí và vai trò của các nước trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại và thị trường của M, Trung Quốc. Về bản chất, tính chiến lược và tầm nhìn của các nước trong khu vực đã ảnh hưởng đến các yêu cầu và vị trí của các nước trong thị trường của M, Trung Quốc và vị trí của các nước tranh chấp kinh tế M - Trung Quốc trên cơ sở xuất phát từ lợi ích, mà bỏ qua phù hợp với xu hướng quan hệ quốc tế và quan trọng hơn nữa, nằm trong sự tính toán chiến lược và lợi ích quốc gia.

Tóm lại làm rõ tranh chấp kinh tế M - Trung Quốc Nam Á sau chiến tranh lạnh cho thấy những tính toán chiến lược và sách lược cùng thực tiễn triển khai các hoạt động gia tăng kinh tế thị trường của M - Trung Quốc. Thông qua những hình thức, biện pháp và trên mặt trận kinh tế, các nước M - Trung Quốc luôn nỗ lực hiện thực hóa tham vọng cạnh tranh chi phí ASEAN của mình, trên cơ sở phát huy những ưu điểm và lợi thế do những xuất phát điểm khác nhau, do những vị trí địa lý, do những mối quan hệ kinh tế và chính trị khác nhau, quan hệ kinh tế, văn hóa và xu hướng phát triển kinh tế khác nhau của các quốc gia, khu vực trong bối cảnh mới. Trên thực tế, các nước Trung Quốc và M đã và sẽ tiếp tục giành được những lợi ích không nhỏ từ mối quan hệ chi phí, kinh tế và vị trí của các nước Trung Quốc Nam Á.

32. Tài liệu: Quan hệ Campuchia - Trung Quốc từ năm 1993 đến nay

Học viên: Both Sreng

Kết cấu của luận văn, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1:

Nội dung của phần này chủ yếu nói đến những nhân tố tác động tới mối quan hệ Campuchia – Trung Quốc từ năm 1993 đến nay. Những nhân tố đó bao gồm: Tình hình thế giới và khu vực, quan hệ Campuchia – Trung Quốc từ năm 1993 và lợi ích của Campuchia và Trung Quốc trong việc phát triển quan hệ với nhau.

Chương 2:

Chương này là phần chính của luận văn. Trong đó chủ yếu tập trung vào mặt sự tiến bộ quan hệ hợp tác về mặt chính trị an ninh và mặt kinh tế thương mại giữa Campuchia - Trung Quốc và đánh giá những quan hệ của hai nước. Các chính sách của Campuchia và Trung Quốc với nhau, thành tựu và hạn chế trong quan hệ hai nước và bài học rút ra với Campuchia.

Chương 3:

Phần này nhằm đánh giá những thành tựu của quan hệ Campuchia - Trung Quốc và quá trình triển khai trong thời gian qua, và đưa ra những xu hướng hợp tác của quan hệ Campuchia - Trung Quốc trong bối cảnh khu vực và quốc tế. Đó là đưa ra những dự báo khả năng hợp tác của hai nước trong thời gian tới. Những vấn đề nổi bật trong các lĩnh vực chính trị, an ninh và kinh tế trong quan hệ hợp tác giữa hai nước đều là những mặt thuận lợi của cả hai phía Campuchia và Trung Quốc.

33. Tài : Vai trò của M trong việc phòng chống thảm họa thiên nhiên khu vực châu Á- Thái Bình Dương

Học viên: Hoàng Nhị Ngọc

Thảm họa thiên nhiên là chết chóc và ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, sạt lở đất và di cư. Đây là vấn đề gây tác động nghiêm trọng đến con người trong quan hệ quốc tế. Thảm họa thiên nhiên không chỉ là mất mát, sống chết, đói, bệnh tật, mất mùa, hạn hán... mà còn gây ra hàng loạt những vấn đề an ninh phi truyền thống như đói nghèo, dịch bệnh, di cư quốc tế, bất ổn chính trị.

Trong tình hình đó, vai trò là nhân viên, viên chức lãnh đạo, thi công và tìm kiếm kinh tế, chính trị, quân sự, M cần cho mình có trách nhiệm trong việc ngăn ngừa quốc tế trong việc phòng chống thảm họa thiên nhiên nói chung và tại khu vực châu Á- Thái Bình Dương nói chung. M cần có hoạch định rõ ràng, có các cơ sở triển khai và có khả năng tiến hành những hoạt động phòng chống thiên tai.

Trong quan hệ với Việt Nam, M hỗ trợ nhiều trong công tác phòng chống thiên tai và các hoạt động liên quan. Việt Nam là quốc gia gặp nhiều thiên tai. Kinh phí cần phải bỏ ra khắc phục thiên tai hàng năm rất lớn, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội. Do đó, cần có thể phòng chống thảm họa thiên nhiên tốt sẽ giúp giảm thiểu thiệt hại về con người, tinh thần và vật chất; đồng thời tránh các vấn đề hậu quả thiên tai gây ra. Thế nên, Việt Nam tranh thủ sự giúp đỡ của M trong phòng chống thảm họa thiên nhiên, tuy nhiên còn hạn chế do yếu tố lịch sử, chế độ chính trị... Hợp tác M - Việt trong phòng chống thiên tai hiện nay chủ yếu là hợp tác multilateral, Việt Nam nhận hỗ trợ từ M. Trong tương lai, mối quan hệ này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và thể chế hợp tác tốt, toàn diện.

34. Tài: Chính sách khai thác và sử dụng dầu mỏ của Mỹ trong thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Quỳnh Thu

“Ngoại giao dầu lửa” xét về tính phức tạp và mức quy tắc thì chắc chắn dù ra đi sau so với “ngoại giao truyền thống”, nhưng nó đã có những nét xa lạ mà thậm chí hình thức ngoại giao khác về tính chất, quy mô và những quan hệ quốc tế. Nghiên cứu chính sách khai thác và sử dụng dầu mỏ của Mỹ có thể giúp ta hiểu rõ hơn về những chính sách linh hoạt trong các mối quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ với Mỹ nói riêng, đặc biệt là những liên quan đến vấn đề năng lượng và giúp Việt Nam có những chính sách hợp lý hơn nhằm bảo đảm an ninh năng lượng của Việt Nam trong tương lai.

Qua quá trình nghiên cứu, các kết luận sau đây được rút ra để trả lời cho những câu hỏi trên:

Thứ nhất, dầu mỏ càng ngày càng trở thành vấn đề sống còn đối với sự thịnh vượng và an ninh của các quốc gia trên thế giới. Mỹ là một quốc gia phát triển hàng đầu thế giới, các hoạt động kinh tế Mỹ chủ yếu phụ thuộc vào dầu mỏ. Dầu mỏ không những là “vàng đen” mà còn là “máu” của nền kinh tế Mỹ.

Thứ hai, Nội dung cốt lõi của chính sách khai thác và sử dụng dầu mỏ của Mỹ tập trung vào hai vấn đề: về dài hạn, Mỹ hướng tới một chính sách năng lượng độc lập, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu; về ngắn hạn: vì các mối bảo đảm nguồn cung dầu mỏ và lợi ích kinh tế năng lượng là những vấn đề sống còn của Mỹ.

Thứ ba, chính sách này đã tác động tới quan hệ quốc tế, thúc đẩy, hợp tác hay tạo ra các thế lực trong quan hệ quốc tế khác.

35. Tài liệu: Hợp tác của ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống

Họa viên: Thavideth Saviengvilay

Khi nghiên cứu về vấn đề hợp tác ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống thì tác giả tài liệu cập nhật 3 vấn đề chính như sau:

Một là, tầm quan trọng của các vấn đề an ninh phi truyền thống tại Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh.

Hai là, thách thức hợp tác của ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống. Trong phần nội dung này, tác giả cập nhật quá trình hình thành và hợp tác giữa các quốc gia ASEAN.

Ba là, triển vọng và ghi nhận pháp thức về hợp tác ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống. Trong nội dung này, thông qua việc phân tích những triển vọng trong tương lai của quá trình hợp tác ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Kết quả cuối cùng luận văn đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận về các vấn đề an ninh phi truyền thống trong khu vực;

Thứ hai, phân tích, tầm nhìn quá trình hợp tác nội khu vực và ngoại khu vực của các công nghệ các quốc gia ASEAN;

Thứ ba, đánh giá thách thức quá trình hợp tác ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống, qua đó rút ra những kết quả, hạn chế và nguyên nhân;

Thứ tư, luận văn đã nêu lên những quan điểm, cơ sở lý luận và thực tiễn về các ghi nhận pháp lý, kinh nghiệm thực tiễn pháp chế và những thúc đẩy quá trình hợp tác ASEAN trong việc ghi nhận quy tắc các vấn đề an ninh phi truyền thống tại khu vực.

36. Tài: Tác ng c a v n trái t m lên i v i quan h qu c t t sau chi n tranh L nh n nay

H c viên: Ph m Th Nh Qu nh

Sau Chi n tranh l nh, cùng v i quá trình toàn c u hoá ang dĩ n ra m nh m mang n nhi u c h i là s n i lên c a m t lo t nh ng thách th c e do i s ng quan h qu c t . Bên c nh nh ng v n an ninh truy n th ng v n còn t n t i là s xu t hi n c a các v n an ninh phi truy n th ng. V n trái t m lên nói riêng và v n bi n i khí h u (B KH) nói chung là m t thách th c an ninh phi truy n th ng m i trong th i i toàn c u hóa. V n trái t m lên ang c c ng ng qu c t quan tâm nhi u nh t và gây ra s tranh cãi gay g t gi a các n c phát tri n c ng nh các n c ang phát tri n. Nó không ch là v n mà các n c l n c n ng i l i v i nhau mà các n c nh c ng c n có ti ng nói c a mình. V n trái t m lên là m i quan ng i toàn c u không ch c a riêng m t qu c gia nào. Chính tính c p bách và s c n thi t gi i quy t v n và th c tr ng h p tác đ ng nh ng c chi u nhau khi n v n ngày càng i xa h n ngoài t m ki m soát. Các n c l n khi ã công nghi p hoá thành công l i không ch u c t gi m l ng khí th i CO2 do nh ng toan tính riêng. Trong khi ó, các n c nh v n ang quy t tâm y m nh công nghi p hoá, hi n i hóa l i c ng không th cam k t c t gi m vì th c ch t ây là s c n thi t phát tri n. Hi n t i v n trái t m lên v n là cu c c nh tranh gi a nhu c u c a các n c. Chính s th t b i trong chính sách c a c ng ng qu c t trong vi c gi i quy t v n là s tranh cãi r t l n a n s trì tr và làm cho v n ngày càng nóng. Do nh ng thách th c a chi u và ph c t p c a v n này c ng nh s khó kh n trong vi c tìm gi i pháp kh thi mà n i dung c a v n trái t m lên ang dĩ n tr thành u tiên quan tr ng trong chi n l c an ninh, i ngo i c a các n c và c c ng ng qu c t quan tâm r ng rãi. Nh n th c rõ c t m quan tr ng c a vi c nghiên c u v n này, tác gi ã ch n tài “*Tác ng c a v n trái t m lên i v i quan h qu c t t sau chi n tranh l nh n nay n nay*”.

Trong khóa luận này, tác giả tập trung làm rõ những tác động tiêu cực, công nhận tích cực của vấn đề trái đất lên môi trường và quan hệ quốc tế. Bên cạnh việc làm gia tăng những xu hướng hợp tác liên kết giữa các quốc gia xích lại gần nhau thì vấn đề trái đất lên công việc làm gia tăng những xung đột, bất ổn nhất định trong khu vực và trên thế giới. Tác giả cũng nêu ra những đề xuất báo cáo trên những nhân tố cá nhân và xu hướng hợp tác trong việc giải quyết vấn đề môi trường thiên nhiên của các quốc gia, những thu nhập của những thách thức mà các quốc gia phải đối mặt vì khi giải quyết vấn đề này. Hơn nữa, Việt Nam cũng là một nước chủ nhà hàng năm của các hội nghị khí hậu, việc nghiên cứu sâu tình hình các thách thức góp phần hỗ trợ thêm chính sách hợp tác chung tay cùng các quốc gia giải quyết vấn đề trái đất lên của Việt Nam, cũng nêu ra những phương hướng, chính sách mới trong thiên nhiên giúp Việt Nam nhận rõ hơn và hình thành sâu rộng hơn trên thế giới.

37. Tài: Vai trò của M trong các vấn đề an ninh – chính trị trên bán đảo Triều Tiên sau chiến tranh lạnh

Học viên: Chu Nguyễn Minh

Thời gian gần đây, tình hình bán đảo Triều Tiên liên tục trong trạng thái căng thẳng, gây nhiều tranh cãi và sự quan tâm của dư luận quốc tế. Các phía Triều Tiên và Hàn Quốc, công nhận rằng minh chứng là M và Nhật Bản đều có những đóng góp quân sự yếm nh, khi nhìn cho bên không khí trên bán đảo Triều Tiên b hâm nóng t t .

Trong bối cảnh tình hình an ninh, chính trị tại khu vực CA-TBD có nhiều diễn biến phức tạp, sự thay đổi liên tục các nhân tố chính trị toàn cục trong khu vực đã khiến cho bên tranh quan hệ quốc tế ngày càng trở nên sinh động hơn bao giờ hết. Thay vì sự căng thẳng trong các cuộc chiến tranh giành lợi ích và nh h ng l i là sự hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, đó gián tiếp thể hiện sự cam kết, kh n ng kinh tế công nh quân sự nh m h n ch nguy cơ xảy ra bất ổn và xung đột nào.

Việc nghiên cứu vai trò của một siêu cường như M trong các vấn đề an ninh, chính trị trên bán đảo Triều Tiên cũng không nằm ngoài mục đích giúp cho không chỉ những nhà nghiên cứu, các giới chuyên gia và sinh viên mà còn cho những người quan tâm tới vấn đề có cái nhìn bao quát và thông tin cập nhật về tình hình đang diễn ra tại đây. Đó cũng là những phân tích, đánh giá và nhìn nhận xác đáng hơn về tình hình diễn ra hiện nay. Nhằm thể hiện mục tiêu này, tài liệu trung nghiên cứu về vai trò của M trong tiến trình giải quyết các vấn đề tại bán đảo Triều Tiên; các sự kiện và thực trạng của sự hiện diện quân sự M tại Hàn Quốc và những tác động của tình hình an ninh chính trị trên bán đảo Triều Tiên, đó thể hiện vai trò của nhân tố M trong việc giải quyết tình hình trên bán đảo mà cốt lõi là tiến trình giải quyết khủng hoảng hạt nhân Triều Tiên và vấn đề thống nhất giữa hai miền, công nhận những đóng góp và tầm quan trọng của các hai miền Triều Tiên tới tình hình an ninh, chính trị, kinh tế của các nước trong khu vực.

Trên cơ sở phân tích trên, tài liệu đưa ra dự báo về xu hướng phát triển và triển vọng giải quyết các vấn đề trên bán đảo Triều Tiên trong thời gian tới khi có tác động của siêu cường M .

38. Tài: Y u t v n hoá trong quan h qu c t t i ông Nam Á sau chi n tranh l nh

H c viên: Hu nh Thuý H nh

Sau khi Chi n tranh l nh ch m d t vào cu i nh ng n m 80 c a th k tr c, toàn c u hóa ã tr thành m t th c t hi n nhiên tác ng n i s ng c a các n c. N u nh tr c ây v n hoá ch là m i quan tâm riêng c a m i qu c gia thì nay l i là v n thu hút c m i quan tâm c a m i qu c gia. V n hóa ã tr thành m t công c c nhi u n c s d ng h tr m r ng ho t ng i ngo i, m t y u t quan tr ng trong vi c gi i thích nh ng hi n t ng c b n c a quan h qu c t nh chi n tranh, hòa bình, h p tác, phát tri n.

Vi t Nam n m khu v c ông Nam Á và là m t thành viên c a Hi p h i các qu c gia ông Nam Á (ASEAN), nên c n hi u rõ v nh ng v n liên quan t i v trí a-chính tr , a-l ch s và v n hóa c a các n c trong khu v c khi mà xu th khu v c hóa, toàn c u hóa c ng nh tính t ng thu c l n nhau gi a các qu c gia ngày càng tr nên m nh m .

Ngoài ph n M u và K t lu n, Lu n v n c b c c theo 3 ch ng:

Ch ng 1 nêu khái quát v n hóa vùng ông Nam Á, ch ra nh ng nét t ng ng và khác bi t c a các n n v n hoá trong khu v c ông Nam Á;

Ch ng 2 t p trung xác nh vai trò c a v n hóa trong quan h qu c t t i ông Nam Á, ch ng minh v n hoá là “s c m nh m m” (soft-power) c a m t qu c gia - c xây d ng trên các y u t giá tr v n hóa, chính sách ngo i giao và hình nh v chính tr v n hóa c a qu c gia ó. Ch ng này c ng ch ng minh v n hoá là chi c c u n i trong quan h qu c t c a m i n c. Nh ng thành t u mà vi c h p tác v n hoá em l i không ch t ng c ng s hi u bi t gi a các n c mà còn thúc y tinh th n oàn k t gi a nhân dân các n c ASEAN, và gi a ASEAN v i các n c trong khu v c c ng nh trên th gi i; D a trên nh ng phân tích hai ch ng trên.

Ch ng 3 a ra m t s xu t dùng v n hóa Vi t Nam phát tri n quan h v i các n c trong khu v c.

39. Tài liệu: Nhân tố Lào trong quan hệ Việt – Trung từ 1991 đến 2010

Học viên Nguyễn Thị Thuý Hiền

Những năm gần đây, Lào và Trung Quốc đều là những nhân tố có vị trí quan trọng về an ninh và phát triển kinh tế của Việt Nam, cũng như ở vùng này. Vì vậy, việc nghiên cứu quy tắc, xu hướng phát triển cách hài hòa, tranh thủ khai thác lợi ích nhân tố Lào phục vụ cho phát triển kinh tế, công cuộc hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước, bảo đảm lợi ích quốc gia của Việt Nam, duy trì ổn định vùng Trung Quốc là những việc làm quan trọng về chính trị và ngoại giao.

Nội dung chính của luận văn được thể hiện qua 3 chương như sau:

Chương I: Quan hệ Việt – Trung sau khi bình thường hóa. Chương này trình bày một cách khái quát về quan hệ Việt – Trung trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa từ khi bình thường hóa đến nay.

Chương II: Lào trong quan hệ với Trung Quốc và Việt Nam từ 1991 – 2010. Trình bày khái quát của Chương 1, chương 2 đi vào phân tích quan hệ của Lào với Trung Quốc, quan hệ Lào với Việt Nam.

Chương III: Vấn đề Lào và quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc. Chương này sẽ nêu ra vai trò của Lào với Việt Nam và Trung Quốc; từ đó rút ra nhân tố Lào có tác động thế nào tới quan hệ hai nước. Đồng thời đưa ra dự báo nhân tố Lào trong quan hệ Việt – Trung trong thời gian tới.

40. Tài liệu: Chiến lược “khai phá miền Tây” của Trung Quốc và tác động đối với Việt Nam

Học viên: Phạm Ngọc Thanh

Sau 30 năm cải cách, mặc dù, về mặt vai trò của Trung Quốc không ngừng nâng cao trên trường quốc tế, kinh tế ổn định chính trị, quân sự. Tuy nhiên, chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, miền của Trung Quốc ngày càng lớn, đặc biệt là giữa miền Đông và miền Tây, tình hình này trở nên nguy hiểm đối với chính trị, xã hội. Vì vậy, để trả nhu cầu bức thiết về ổn định ban lãnh đạo Trung Quốc, theo đó phải có một chiến lược thúc đẩy phát triển khu vực miền Tây giàu tài nguyên thiên nhiên, nhưng lại là hậu kém phát triển, một số tổng bộ thu hoạch nông cách phát triển về miền Đông, cần thiết nên chú ý sang các vùng dân cư khu vực này. Cuối năm 1999, đầu năm 2000, Trung Quốc chính thức phát động Chiến lược “khai phá miền Tây”, được thực hiện trong ba giai đoạn, kéo dài tới năm 2050.

Việt Nam là nước láng giềng, có mối quan hệ lâu đời với Trung Quốc, có nhiều mối liên hệ về kinh tế, chính trị, xã hội. Việc Trung Quốc thực hiện Chiến lược “khai phá miền Tây” và tác động của nó hình thành nên những thách thức đối với Việt Nam, đặc biệt là các khu vực biên giới giáp Trung Quốc. Việt Nam có thể tận dụng những lợi thế trung quốc trên nền nhu cầu tiêu thụ hàng hóa 1,3 tỷ người.

Trong khuôn khổ luận văn, tác giả trình bày quá trình hình thành, nội dung, phân tích những thuận lợi và khó khăn mà Trung Quốc gặp phải trong quá trình thực hiện Chiến lược “khai phá miền Tây”. Bên cạnh đó, tác giả phân tích những thuận lợi, khó khăn mà Việt Nam gặp phải trong quá trình Trung Quốc thực hiện chiến lược này, đề xuất một số giải pháp trên nhiều phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao nhằm tận dụng cơ hội và hạn chế những khó khăn mà Chiến lược “khai phá miền Tây” đem lại.

41. Tài: Quan hệ của Mỹ và Trung Quốc trong lĩnh vực thương mại – xuất (1993 – 2008)

Học viên: *Nguyễn Quang Hòa*

Quan hệ thương mại, xuất có vị trí, nh hình ngày càng quan trọng trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Trung Quốc vươn lên vượt qua các trở thành nền kinh tế lớn thứ ba thế giới (2007) và tiếp tục vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ vào năm 2010. Mỹ và Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của nhau (sau EU). Không chỉ có thương mại, hai nền kinh tế này còn gắn kết chặt chẽ thông qua các hoạt động xuất nhập khẩu và gián tiếp vào thương mại của nhau. Mỹ đã trở thành nhà xuất hàng đầu Trung Quốc, biến Trung Quốc trở thành “công xưởng của thế giới”.

Khi hai nền kinh tế hàng đầu thế giới này ngày càng phụ thuộc, hòa quyện vào nhau thì sẽ xảy ra xung đột có xu hướng ngày càng tăng. Nổi bật là các tranh chấp thương mại, ví dụ như giá thép tăng NDT hay ví dụ Trung Quốc cấm giết mổ lợn trái phép Chính phủ Mỹ, ví dụ cấm cá thối, bò bệnh SHTT... Do Mỹ và Trung Quốc là hai nền kinh tế lớn xuất nhập khẩu nên quan hệ thương mại, xuất Mỹ - Trung có vị trí đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng lớn và chính sách nào đó có tính quyết định đến sự phát triển, thịnh vượng của kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Đông Á nói riêng.

Lưu ý những điểm trung nghiên cứu quan hệ Mỹ - Trung trong lĩnh vực thương mại, xuất từ 1993 – 2008, tức là thời kỳ chính quyền Clinton đến hết thời kỳ chính quyền G.W. Bush.

Lưu ý những kiến nghị nhân tố tác động đến quan hệ thương mại, xuất Mỹ - Trung từ sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là các mối quan hệ này trên nền tảng lĩnh vực thương mại, xuất, chính sách cạnh tranh các công nghệ cao và các vấn đề liên quan đến tranh chấp thương mại, nghi ngờ xuất khẩu và hàng làm quan hệ hai nền công nghệ, có khi gay gắt, nh hình nền khuôn khổ quan hệ song phương hai nền. Bên cạnh đó, lưu ý những phân tích, lý giải tác động, nh hình của quan hệ Mỹ - Trung trong lĩnh vực thương mại – xuất nhập khẩu và khu vực.

42. Tài Liệu Tôn giáo trong quan hệ giữa M và các nước HI giáo

Học viên: Ngô S Thanh

Vai trò ngày càng quan trọng trong sứ mệnh chính trị xã hội và quan hệ quốc tế, tôn giáo của các quốc gia có biệt lập nghiên cứu xác định vai trò, sứ mệnh của nó trong mối quan hệ quốc tế nói chung, biệt lập là trong mối quan hệ thế kỷ XXI ra những mâu thuẫn đối lập xung đột giữa M và các nước HI giáo. Sự khác biệt trong quan hệ giữa M và các nước HI giáo qua yếu tố tôn giáo, đó là sự khác biệt của hai nền văn minh khác nhau về hai niềm tin tôn giáo khác nhau mà theo đó xuất hiện tính phức tạp trong sự khác biệt, xu hướng bài M của các nước HI giáo và việc can thiệp của M vào các vấn đề của khu vực các nước HI giáo.

Trong lý luận về chính sách tôn giáo của hai chế độ với nhau, tác giả nêu lên quan điểm về tôn giáo trong quan hệ ngoại giao của M với các nước HI giáo và của các nước HI giáo với M qua đó thấy được quan hệ giữa M và các nước HI giáo hiện nay như thế nào. Chính sách tôn giáo của M đối với các nước HI giáo là việc M sử dụng công cụ tôn giáo gắn với các hình thức M nh thúc đẩy văn minh, dân chủ, nhân quyền, và các mục tiêu khác về chính trị, kinh tế, kinh tế, an ninh... thông qua đó can thiệp trực tiếp vào nội bộ các nước HI giáo. Tôn giáo vừa là mục tiêu vừa là công cụ trong chính sách ngoại giao của M đối với các nước HI giáo.

Vấn đề đặt ra là những xu hướng diễn biến của mâu thuẫn trong quan hệ M và HI giáo sẽ phát triển như thế nào và mục đích cuối cùng trên nền tảng của triết lý tìm kiếm những nguyên nhân của tình hình này.

43. Tài liệu: Vai trò của M trong việc ghi ý quy tắc các vấn đề môi trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển bền vững năm nay

Học viên: Nguyễn Thị Thu Hiền

Lưu ý về nội dung trọng tâm phân tích vào vai trò của M trong hợp tác quốc tế ghi ý quy tắc 3 vấn đề môi trường là ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước và mất cân bằng sinh thái.

Trên cơ sở đó lưu ý về nội dung đánh giá những tác động của việc ghi ý quy tắc các vấn đề môi trường đối với các quan hệ địa phương và song phương của M. Riêng nội dung về hợp tác song phương của M, trong khuôn khổ học tập lưu ý về những nghiên cứu 3 cấp quan hệ: 1) M - Việt Nam, 2) M - EU và 3) M - Trung Quốc. Lý do lựa chọn nội dung là: 1) EU là đối tác kinh tế, chính trị lớn của M về nhu cầu quốc gia phát triển cho là tác nhân chủ yếu gây ra các vấn đề môi trường toàn cầu; 2) Trung Quốc, quốc gia có nhu cầu quan hệ lợi ích song còn với M, có dân số đông nhất thế giới, góp phần đáng kể vào tình trạng ô nhiễm môi trường toàn cầu hiện nay, đang phải đi tìm giải pháp tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; và 3) Việt Nam là một trong những quốc gia đang phát triển chủ yếu dựa vào nông nghiệp và ngành dệt may các tác động môi trường và là nơi đang diễn ra nhu cầu hợp tác môi trường của M.

Tóm lại, có thể thấy M đã thể hiện rõ vai trò tích cực của mình trong các mối quan hệ địa phương và song phương xuất phát từ các chính sách môi trường trong nước và hợp tác quốc tế vì môi trường nhằm giảm thiểu do những ràng buộc nội địa và chính trị, vì lợi ích kinh tế và nâng cao trình độ M thể hiện trách nhiệm lớn hơn về việc nâng cao chất lượng môi trường, cam kết những tiến bộ của M trong việc thể hiện một cuộc sống xanh trên đất M và trên thế giới vì sự phát triển bền vững và bền vững của loài người. M xứng đáng với vai trò một siêu cường quốc gia thế giới hay không một phần phụ thuộc vào trách nhiệm và cách hành xử của M trước vấn đề môi trường.

44. Tài: Quan hệ Úc – ASEAN sau Chiến tranh Lạnh

Học viên: Nguyễn Văn Ngọc

Sau Chiến tranh Lạnh, do tác động mạnh mẽ của những thay đổi cấu trúc kinh tế và khu vực, và nhu cầu về quan hệ cá nhân chính mình, Úc theo đuổi chính sách “hàng xóm châu Á” hay “hàng xóm châu Á”. ASEAN, vì sự phát triển cá nhân thành viên và cá nhân toàn khu vực, vì nhu cầu thúc đẩy kinh tế và phát triển các thách thức, cần có nhu cầu phát triển quan hệ với Úc, một quốc gia bán cầu trung, có nhu cầu lợi ích khu vực châu Á – Thái Bình Dương và có nhu cầu tiến hành phát triển quan hệ trên nhu cầu kinh tế.

Trong giai đoạn hiện nay, những phát triển mới trong quan hệ kinh tế và những thách thức mới đã ảnh hưởng đến những thách thức hai phía về sự cạnh tranh thị trường kinh tế hàng hóa quan hệ hợp tác nhằm mục tiêu của Úc và ASEAN vì lợi ích chung của khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á – Thái Bình Dương nói chung. Mối quan hệ Úc – ASEAN đang trở nên ngày càng thu hẹp và cần những khó khăn. Tuy nhiên, yếu tố thu hẹp lại là cần và quan hệ hai bên còn rất nhiều tiềm năng phát triển. Mặt khác, chính những thách thức cần là cần hai bên cùng nhau hợp tác vượt qua khó khăn, cùng phát triển, góp phần xây dựng một mối quan hệ ngày càng gần gũi, gần gũi trong môi trường hòa bình, thịnh vượng và phát triển. Song, một sự bất đồng trong quan hệ giữa hai bên trong tương lai sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nỗ lực của Úc và ASEAN, những thách thức chính sách và hành động.

Trong quan hệ Úc – ASEAN, Việt Nam có một vai trò quan trọng. Việt Nam, với uy tín và vị thế ngày càng gia tăng trong ASEAN và có mối quan hệ ngày càng chặt chẽ với Úc có thể đóng vai trò tích cực trong tiến trình thúc đẩy quan hệ ASEAN – Úc trong tương lai. Yêu cầu đặt ra là Việt Nam trong lúc này là phải có chính sách hợp lý và biện pháp hữu hiệu có thể góp phần củng cố và thúc đẩy mối quan hệ này. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải tiếp tục nâng cao vị thế cá nhân mình tại khu vực và trên thế giới.

45. Tài: nh h ng c a tôn giáo trong quan h qu c t hi n nay

H c viên: Nguyễn Khánh Vân

ã có nhi u ý ki n cho r ng cùng v i s phát tri n c a khoa h c k thu t, con ng i ngày càng có nh ng hi u bi t, khám phá khoa h c h n v th gi i mình ang s ng thì ni m tin vào tôn giáo s d n m t i. Tuy nhiên, th gi i l i ang ch ng ki n nh ng ho t ng m nh m c a tôn giáo, c bi t là s xu t hi n khá th ng xuyên c a tôn giáo trong i s ng chính tr qu c t . Tôn giáo ang tr thành v n c quan tâm tìm hi u nghiên c u c trong n c và trên th gi i. Vi t Nam là m t n c a tôn giáo. i s ng tôn giáo n c ta hi n nay ang di n ra h t s c sôi ng và ph c t p. Th c ti n chính tr i n i và i ngo i c a n c ta th i gian qua xu t hi n nhi u v n liên quan n tôn giáo. Vì v y, vi c nghiên c u tôn giáo và nh h ng c a nó có m t ý ngh a nh t nh i v i th c ti n n c ta hi n nay.

N i dung chính c a tài là i tìm hi u nh h ng c a tôn giáo trong quan h qu c t thông qua vi c xem xét các m i liên h : tôn giáo-chính tr , tôn giáo-xung t và tôn giáo-hòa bình.

Tôn giáo có th là ngu n g c c a xung t, là nguyên nhân gây b t n nh tình hình qu c t . Xung t có th n y sinh t mâu thu n trong n i b tôn giáo, gi a các tôn giáo, b g n v i các mâu thu n s c t c, lãnh th ...Tôn giáo còn b nhi u th l c l i d ng gây mâu thu n, ph c v cho nh ng m c ích phi tôn giáo. Tuy nhiên, xung t và b o l c không ph i là b n ch t c a tôn giáo.

V b n ch t, a ph n các tôn giáo u h ng con ng i t i các giá tr chân, thi n, m , t i lòng nhân ái, c tuy t v i chi n tranh, xung t. C ng chính b i v y mà tôn giáo có kh n ng thúc y và t o d ng hòa bình. i tho i liên tôn ã và ang tr thành m t kênh i tho i khá hi u qu gi a t n , ch c s c các tôn giáo, gi a các qu c gia có tôn giáo nh m t ng c ng s hi u bi t l n nhau, gi m thi u nh ng mâu thu n không áng có.

Th c t ã cho th y nh ng ho t ng m nh m c a tôn giáo trong th i gian qua luôn di n ra theo hai chi u h ng: xung t-b o l c ho c vì hòa bình, ti n b xã h i. V i vi c phân tích nh h ng c a tôn giáo trong quan h qu c t , hi v ng các qu c gia có tôn giáo s nh n th c c tình hình t ó a ra c nh ng chính sách, nh ng hành ng phù h p nh m h n ch m t tiêu c c và phát huy m t tích c c c a tôn giáo.

46. Tài: Xây dựng công nghệ Asean: thách thức và triển vọng

Học viên: Võ Nguyễn Thùy Vy

Bên cạnh thế kỷ XXI, tình hình khu vực và thế giới tiếp tục có những thay đổi to lớn và nhanh chóng. Các quốc gia thích ứng với tình hình mới, ASEAN mở rộng thành viên và tầm ảnh hưởng. Hội nghị cho thấy lại của Hiệp hội các quốc gia thành viên nhất trí xác định rõ ràng, đó là phiếm lĩnh liên kết nội khu vực sâu và toàn diện hơn, hướng tới mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột chính (chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội) vào năm 2015, dựa trên cơ sở pháp lý chung là Hiến chương ASEAN. Sự kiện này mở ra bước ngoặt mới trong sự phát triển của ASEAN trong thế kỷ XXI, đưa ASEAN trở thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ.

Trở thành thành viên chính thức của ASEAN từ năm 1995, Việt Nam ngày càng tham gia tích cực, chủ động và đầy đủ vào mọi hoạt động của Hiệp hội. Qua đó, Việt Nam có nhiều đóng góp tích cực vào sự phát triển các lĩnh vực hợp tác chính trị của ASEAN, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế ASEAN và dẫn dắt quy trình lịch sử là tăng cường liên kết, tiến tới xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Tài liệu tham khảo về quy trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Tài liệu tham khảo về quy trình xây dựng Cộng đồng ASEAN sau: 1) Nghiên cứu mô hình và lý thuyết và thực tiễn của quá trình liên kết ASEAN, nhân tố tác động hình thành ý tưởng Cộng đồng ASEAN; 2) Phân tích thách thức, cơ hội và trở ngại trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN; 3) Đánh giá triển vọng xây dựng Cộng đồng ASEAN; 4) Xu hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN của Việt Nam trên cơ sở phân tích những thành tựu đã đạt được và những hạn chế, khó khăn còn tồn tại.

47. Tài: Tác ng c a Hi p c START m i n v n ch ng ph bi n v khí h t nhân

H c viên: Tr n Th Khánh Trà

Trong b i c nh sau chi n tranh l nh, nguy c ph bi n và rò r k thu t, công ngh , nguyên li u và v khí h t nhân t các nhà máy, các phòng thí nghi m hay th m chí t các kho v khí c a các qu c gia h t nhân ngày càng gia t ng. Ch th mu n tìm ki m và s h u công ngh h t nhân không ch là các qu c gia y tham v ng, mà còn là các ch th phi nhà n c nh các t ch c t i ph m xuyên qu c gia, nh ng thành ph n kh ng b c c oan... Nguy c v m t cu c chi n h t nhân toàn di n ã gi m b t, song nhân lo i ph i i m t v i nguy c v chi n tranh h t nhân c c b , kh ng b h t nhân. M t khác, sau chi n tranh l nh, ti n trình ch ng ph bi n v khí h t nhân ch a th c s t hi u qu nh mong i c a c ng ng qu c t . 5/2/2011 có ý ngh a to l n. Lu n v n ã a ra m t b c tranh t ng th v quá trình àm phán, ký k t m t lo t các hi p nh c t gi m v khí song ph ng gi a M và Nga là START I, START II và nh hình khuôn kh START III

Tuy nhiên, Hi p c START m i c ng có nh ng h n ch và thách th c nh t nh. Hi p c m i ch a x lý c các v n còn t n t i trong quan h h t nhân gi a hai n c, nh v n phòng th tên l a t i Châu Âu, v n phát tri n v khí thông th ng c a M c ng nh v n v khí chi n thu t c a Nga. Nh ng v n này òi h i hai qu c gia ph i th ng th n, c i m àm phán, tháo g , tránh c ng th ng leo thang. N u không th x lý th u áo nh ng v n trên, t ng lai c a hi p c START m i có th s nh hi p c ABM. Th m chí, n u c ng th ng lên cao, có nguy c x y ra m t cu c ch y ua v trang m i gi a hai n c trong th k 21. Song theo tác gi , m t trong nh ng y u t tiên quy t t o ra nh ng b c ngo t l n cho ti n trình ch ng ph bi n VKHN trên th gi i là vì c các qu c gia c n thay i t duy v vai trò, v trí c a VKHN i v i an ninh qu c gia. Các qu c gia, c bi t là M và Nga nên hành ng th c s t b lo i v khí này, thay vì chính sách hai m t: v a c t gi m, v a hi n i hóa v khí và quân i.

48. Tài Chính sách vĩ mô và phát triển chính thức của Nhật Bản trong quan hệ Việt Nam – Nhật Bản

Học viên: Ryusaki Ai

Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản ngày càng phát triển là phù hợp với xu thế của thế giới và lợi ích của cả hai bên. Việt Nam giành được nhiều thành công trong quá trình thực hiện công cuộc cải tiến. Nhờ tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế và hình thành quốc gia, Việt Nam cũng đang ngày càng trở nên giàu mạnh, kinh tế và công nghệ phát triển. Vì vậy Nhật Bản, Việt Nam trở thành đối tác quan trọng không chỉ về kinh tế mà còn về văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường. Trong lĩnh vực lao động di dân, tình hình chính trị xã hội ổn định, và trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Việt Nam giành được nhiều kết quả trong việc xóa đói giảm nghèo, phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế trong việc thu hút và sử dụng ODA của Nhật Bản. Hai nước còn có những vướng mắc trong việc Việt Nam thu hút, sử dụng và quản lý ODA trong khuôn khổ ODA của Nhật Bản cho Việt Nam. Vì vậy Nhật Bản, Việt Nam là nước tiên phong thử nghiệm các chương trình nâng cao hiệu quả và tính chính xác của chính sách ODA và thực hiện các cách ODA phù hợp với lợi ích quốc gia của Nhật Bản. Nhật Bản, cùng với Việt Nam, tạo ra các cơ hội thi đấu toàn diện ODA của Nhật Bản tại Việt Nam. Đây là thách thức mới đối với hai nước, thậm chí liên quan đến những vấn đề của Việt Nam. Việc này đòi hỏi cần có sự đồng thuận giữa các bên liên quan để xây dựng thông qua quá trình lịch sử lâu dài và tầm nhìn chung về phát triển và xây dựng thông qua quá trình thực hiện ODA của hai nước. Một điểm đáng chú ý là những biện pháp giảm quy tắc và thách thức trong quan hệ vĩ mô ODA giúp quan hệ song phương mở rộng và đi vào chiều sâu trên môi trường kinh tế, đặc biệt là Việt Nam và Nhật Bản trở thành đối tác chính của nhau.

Tuy vậy, vì mối quan hệ vĩ mô phát triển của hai nước càng ngày càng nên quan trọng, nên mối liên hệ trong quan hệ ODA có thể làm phát sinh những mối quan hệ song phương toàn diện và tiếp tục. Hai nước cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thực hiện ODA.

49. Tài : Xã h i a ch ng t c Hoa K : M t s v n lý lu n và th c ti n

H c viên: Ph m Th M Trang

Hoa K là m t xã h i a ch ng t c v i trên 300 tri u dân. ây có nh ng ng i da en, da tr ng, da vàng, da nâu, có nh ng ng i nh p c t Châu Âu, Châu Á, Châu Phi, Châu i D ng và nh ng ng i b n a...Có r t nhi u khu v c dân c c hình thành t nh ng ng i di c n Hoa K t m t qu c gia, nh các khu Little Saigon (ho c có th có nh ng tên khác) c a ng i Vi t Qu n Cam, San Jose, Houston hay San Francisco, hay các Chinatown c a ng i Trung Qu c....T t c ã làm cho b c tranh a ch ng t c c a xã h i Hoa K thêm phong phú.

T khi n c M ra i, a ch ng t c ngày càng phát tri n và a d ng. Nó tr i qua m t quá trình phát tri n lâu dài và c c k ph c t p t nh ng v n v nh p c , v di dân...Bên c nh nh ng u i m mà m t xã h i a ch ng t c em l i cho Hoa K thì c ng ph i k n nh ng v n mang l i nh c i m : ó là các v n v d dân t do, v nh p c , là các m i b t hòa trong a ch ng t c Hoa K mà nh ng i u ó s là nh ng bài h c kinh nghi m cho nh ng qu c gia khác. Xã h i a ch ng t c Hoa K có nhi u u i m và m t s nh c i m nh t nh.

Thông qua Lu n v n này, tác gi mu n a ra cái nhìn khách quan v Xã h i a ch ng t c Hoa K t ó th y c nh ng i m m nh và y u, là bài h c cho các n c khác, c bi t là các n c ang phát tri n nh Vi t Nam có th tìm cho mình h ng i t i m t mô hình xã h i phù h p v i c i m và i u ki n t i Qu c gia mình.

**50. Tài: Vấn đề Lào đi c b t h p pháp sang Thái Lan – nhìn t
góc an ninh con ng i**

H c viên: Souphalak Soukpanya

Đi c là m t hi n t ng ph bi n trên toàn th gi i, hi n nay có trên 200 tri u ng i s ng ngoài lãnh th n i h sinh ra và mang qu c t ch, chỉ m trên 3% dân s toàn c u và v n này c ng là nhân t quan tr ng i v i s phát tri n c a nhi u qu c gia. Khi nghiên c u v n đi c b t h p pháp trong quan h Lào - Thái Lan nhìn t góc an ninh con ng i, tác gi ã c p t i 3 n i dung c b n:

Th nh t, t ng quan v v n đi c b t h p pháp, nhìn t góc an ninh con ng i. Trong ph n n i dung này, tác gi ã c p t i m t s v n c b n v đi c nh khái ni m đi c , đi c b t h p pháp, an ninh con ng i; v n đi c b t h p pháp d i góc an ninh con ng i và nh ng tác ng c a ho t ng đi c b t h p pháp.

Th hai, th c tr ng ho t ng đi c b t h p pháp t Lào sang Thái Lan t n m 2000 n nay. Trong ph n n i dung này, tác gi ã gi i thi u khái quát v 2 qu c gia Lào, Thái Lan và m i quan h c a hai n c c ng nh nh ng nhân t t thúc y vi c ng i Lào đi c b t h p pháp sang Thái Lan; th c tr ng hi n t ng ng i Lào đi c b t h p pháp sang Thái Lan v i nh ng n i dung c th nh s l ng ng i đi c , nh ng nhân t tác ng tr c ti p t i vi c ng i Lào đi c sang Thái Lan tìm vi c làm và con ng đi c mà ng i Lào s đ ng đi c sang Thái Lan và nh ng khó kh n, r i ro mà h s g p ph i khi đi c sang Thái Lan tìm vi c làm và v n h i h ng c a h .

Th ba, tác ng c a v n ng i Lào đi c b t h p pháp sang Thái Lan và m t s ki n ngh gi i pháp cho Chính ph Lào. Trên c s nh ng tác ng này, tác gi ã xu t m t s gi i pháp cho Chính ph Lào trong vi c gi i quy t v n ng i Lào đi c b t h p pháp sang Thái Lan tìm vi c làm.

51. Tài liệu: Cơ chế hợp tác an ninh ASEAN: Thành tựu và triển vọng

Họa viên: Nguyễn Ngân Giang

Trong bối cảnh khu vực châu Á – Thái Bình Dương có sự biến động bất ổn, các nước trên thế giới, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, đang tranh giành ảnh hưởng và lợi ích trên toàn khu vực. ASEAN ngày càng trở nên quan trọng. ASEAN đã trở thành nhân tố thúc đẩy hợp tác khu vực. Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), ASEAN + 3, ASEAN +1, và Công ước Đông Á (EAS) là những cơ chế hợp tác – dù còn hạn chế – cho là không thể thay thế khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Các nước ASEAN tập trung vào các thách thức an ninh giữa các nước thành viên nhằm giúp các nước đối phó với các thách thức an ninh khu vực, các nước thành viên cũng đang kiên trì và xây dựng nền tảng, tranh chấp không diễn ra xung đột leo thang, tạo điều kiện xây dựng môi trường khu vực hòa bình và thịnh vượng cho hợp tác phát triển.

Lưu ý trình bày khái quát một số vấn đề lý luận về Cơ chế / thể chế hợp tác quốc tế nói chung và hợp tác an ninh nói riêng, áp dụng trong trường hợp ASEAN các tác động tích cực và chỉ ra những phát triển của các cơ chế hợp tác khu vực này; cấu trúc an ninh khu vực thì chỉ cần tranh luận có những thách thức nào từ việc hợp tác an ninh các quốc gia ASEAN và những biến chuyển trong cấu trúc an ninh Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh. Thông qua việc phân tích những cơ chế chính trị an ninh hiện có của ASEAN như: ZOPFAN, SEANWFZ, ASC, ADMM, AMMTC, ASEAN – ISIS, ASEAN + 3, ASEAN + 1... lưu ý nêu rõ những nhận xét sâu sắc về tình hình hợp tác, các thách thức và thu nhập của các cơ chế này, chúng có tác động tích cực hay không của các cơ chế này. Dù Nguyễn Văn Nam trong hợp tác an ninh ASEAN cũng có những đóng góp, lưu ý nêu rõ những nhận xét sâu sắc về ý nghĩa cho Việt Nam trong việc tham gia vào các cơ chế hợp tác này.

52. Tài: Chính sách i ngo i c a Nh t b n – T chính quy n Taro Aso n chính quy n Hatoyama

H c viên: Ngô Quang Tuấn

Sau Chi n tranh th gi i th 2, Nh t B n t m t n c b i tr n ã v n lên tr thành c ng qu c kinh t hàng u th gi i. Trong nh ng n m g n ây, qu c gia này ã và ang tìm cách nâng cao v th c ng nh nh h ng c a mình trong khu v c m t cách toàn di n h n tuy nhiên mong mu n này c a Nh t B n c ng v p ph i nh ng th thách không nh trong b i c nh qu c t và khu v c ã có nhi u thay i trong ó ph i k t i ó là nh ng chuy n bi n ngày càng ph c t p trong khu v c, s i u ch nh trong chính sách i ngo i c a m t s c ng qu c nh M , Trung Qu c, Nga... H n n a, cu c kh ng ho ng kinh t th gi i b t ngu n t M ã và ang tác ng m nh m n n n kinh t Nh t B n c ng là m t th thách không nh i v i t n c ông Á này.

tìm hi u chính sách i ngo i c a Nh t B n trong giai o n khó kh n hi n nay c ng nh xem xét và so sánh chính sách i ngo i d i th i hai Th t ng là i i n c a hai ng này, lu n v n t p trung nghiên c u và phân tích n i dung chính sách i ngo i c a chính quy n các Th t ng Taro Aso và Yukio Hatoyama nh m tìm ra nh ng u tiên trong chính sách c a hai Th t ng có th th y c nh ng i m t ng ng, khác bi t và t ó xem xét chính sách i ngo i c t lõi c a Nh t B n trong giai o n hi n nay. V i m c tiêu này, tài i sâu tìm hi u c s ho ch nh chính sách, n i dung và vi c tri n khai các chính sách i ngo i c a Nh t B n trong t ng th i k . ng th i, trên c s tìm hi u nh ng chính sách ó, áp d ng vào trong quan h gi a Vi t Nam và Nh t B n nghiên c u nh ng bi n pháp nh m t ng c ng m i quan h Vi t – Nh t trong t ng lai.

53. Tài: Quan hệ i tác chi n l c trong chính sách i ngo i c a Vi t Nam

H c viên: ào Th Mai Anh

Lý do ch n tài: Quan hệ i tác chi n l c nói chung và quan hệ i tác chi n l c trong chính sách i ngo i Vi t Nam nói riêng hi n là m t v n còn m i và ch a c nghiên c u nhi u n c ta. Trong khi ó, ngày nay trên th gi i, trong quan h qu c t , ây ang là m t trong nh ng mô hình h p tác m i nh m thi t l p các m i quan h ngày càng i vào chi u sâu gi a các qu c gia. Trên th c t , trong quá trình ho ch nh và tri n khai chính sách i ngo i, Vi t Nam ã, ang và s àm phán ký k t các v n ki n thi t l p quan h i tác chi n l c i v i m t s i tác. Quan h này n u c lý gi i hi u rõ th c ch t h n thì s góp ph n thúc y vi c tri n khai quan h i tác chi n l c c a ta v i các n c, ph c v các m c tiêu kinh t , chính tr , an ninh và i ngo i c a n c ta trong th i k i m i và y m nh h i nh p qu c t . Do ó, tôi ch n **“Quan h i tác chi n l c trong chính sách i ngo i c a Vi t Nam”** làm tài lu n v n Th c s chuyên ngành Quan h qu c t .

Nh ng n i dung chính ã c th c hi n trong tài: Lu n v n nghiên c u th c tr ng và tri n v ng quan h i tác chi n l c trong chính sách i ngo i Vi t Nam th i k i m i, t 1986 n nay, d a trên vi c làm sáng t nh ng v n : T ng quan c s lý lu n và th c ti n v quan h i tác chi n l c và quan h i tác chi n l c trong chính sách i ngo i Vi t Nam; ánh giá quan h i tác chi n l c trong chính sách i ngo i Vi t Nam, qua m t s quan h i tác chi n l c ch y u c a Vi t Nam, t 1986 n nay - th c tr ng và tri n v ng; D báo xu h ng phát tri n c a quan h i tác chi n l c trong th i gian t i và xu t m t s bi n pháp nh m thúc y quan h i tác chi n l c trong chính sách i ngo i Vi t Nam.